

KHOA LUẬT, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ - LERES
PGS.TS. NGUYỄN NGỌC CHÍ (Chủ biên)

**KỸ NĂNG
HOẠT ĐỘNG**

DÀNH CHO

LUẬT SƯ

TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung:
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung: **ThS. VĂN THỊ THANH HƯƠNG**
TS. HOÀNG MẠNH THẮNG
ThS. TRẦN QUỐC THẮNG
ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ
ĐẶNG THU CHÍNH

Trình bày bìa: **PHẠM THU HÀ**
Chế bản vi tính: **TRẦN QUỐC THẮNG**
Đọc sách mẫu: **BÙI BỘI THU**

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1360-2020/CXBIPH/17-301/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 5010-QĐ/NXBCTQG, ngày 09/6/2020.

Nộp lưu chiếu: tháng 6 năm 2020.

Mã ISBN: 978-604-57-5670-6.

KỸ NĂNG
HOẠT ĐỘNG DÀNH CHO
LUẬT SƯ
TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Nguyễn Ngọc Chí

Kỹ năng hoạt động dành cho luật sư trong vụ án hình sự / Nguyễn
Ngọc Chí ch.b. - H. : Chính trị Quốc gia, 2019. - 128tr. ; 21cm

1. Pháp luật 2. Vụ án hình sự 3. Luật sư 4. Kỹ năng 5. Việt Nam
345.59701263 - dc23

CTH0597p-CIP

KHOA LUẬT, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ - LERES
PGS.TS. NGUYỄN NGỌC CHÍ (Chủ biên)

**KỸ NĂNG
HOẠT ĐỘNG DÀNH CHO
LUẬT SƯ
TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2019

BAN BIÊN SOẠN

- PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội - Chủ biên.
- LS. Hoàng Thanh Bình, Nguyên Chủ nhiệm Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An.
- LS. Nguyễn Văn Chiến, Chủ nhiệm Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.
- LS. Lê Cao Long, Chủ nhiệm Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh.
- LS. Trịnh Khắc Triệu, Chủ nhiệm Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng.
- LS. Nguyễn Thế Uyên, Chủ nhiệm Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh.
- LS.TS. Chu Thị Trang Vân, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.
- TS. Lê Lan Chi, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- TS. Trần Thu Hạnh, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- TS. Nguyễn Thị Lan, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Với vai trò là người bào chữa cho bị can, bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người tham gia tố tụng khác trong vụ án hình sự, luật sư cùng với thân chủ trở thành một bên trong tố tụng. Bằng hoạt động nghề nghiệp của mình, luật sư góp phần bảo vệ công lý, các quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, phát triển kinh tế - xã hội, duy trì trật tự pháp luật... Để làm được như vậy, ngoài am hiểu pháp luật, kiến thức sâu rộng, tư duy nhạy bén, thì việc thành thực các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp với khách hàng, làm việc với người tiến hành tố tụng, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án, thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ, kỹ năng tranh tụng với những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa...

Nhằm giúp sinh viên ngành luật, luật sư tập sự, luật sư mới hành nghề và bạn đọc quan tâm có thêm tài liệu học tập, nghiên cứu, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, Nhà xuất bản

Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Kỹ năng hoạt động dành cho luật sư trong vụ án hình sự*** của tập thể tác giả, do PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí làm chủ biên.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 7 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI MỞ ĐẦU

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về “một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm của cải cách tư pháp, trong đó nhấn mạnh việc tranh tụng trong xét xử là khâu đột phá bảo đảm quá trình tố tụng hình sự khách quan, dân chủ, bình đẳng giữa các bên buộc tội, gỡ tội và những người tham gia tố tụng khác. Định hướng này đã được thể hiện trong các quy định của Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Là một bên tranh tụng tại phiên tòa, luật sư, người bào chữa khác có sứ mệnh, vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng tranh tụng, bảo đảm tính khách quan, dân chủ, công bằng trong quá trình giải quyết vụ án, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, duy trì trật tự pháp luật góp phần xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh. “Nghề luật sư ở Việt Nam là một nghề cao quý”¹, do vậy, để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp, luật sư

1. Lời nói đầu Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-HĐLSTQ ngày 20/7/2011 của Hội đồng luật sư toàn quốc về việc ban hành Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.

không những phải có kiến thức pháp luật vững vàng, hiểu biết sâu sắc mọi mặt đời sống xã hội, thành thạo kỹ năng nghề nghiệp mà còn phải có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, bản lĩnh vững vàng, tạo được niềm tin của thân chủ, xứng đáng với sự tôn vinh của xã hội. Với mong muốn góp phần chuẩn bị cho thế hệ Luật sư tương lai những phẩm chất tốt đẹp, Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý (LERES) trực thuộc Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội cùng các Đoàn luật sư: tỉnh Bắc Ninh, thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, tỉnh Nghệ An, tỉnh Quảng Ninh tổ chức biên soạn cuốn sách *Kỹ năng hoạt động dành cho luật sư trong vụ án hình sự* nhằm trang bị cho sinh viên ngành luật những kỹ năng tranh tụng cơ bản bên cạnh kiến thức pháp luật được giảng dạy trong quá trình đào tạo cử nhân luật của các cơ sở đào tạo luật. Đồng thời, cuốn sách cũng hướng tới bạn đọc là luật sư tập sự, luật sư mới vào nghề có thêm điều kiện trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và dành cho những bạn đọc muốn tìm hiểu về kỹ năng tranh tụng trong tố tụng hình sự.

Nội dung cuốn sách được trình bày ngắn gọn, súc tích, khoa học, dễ hiểu về kiến thức và kỹ năng tranh tụng cơ bản, chủ yếu trong tố tụng hình sự do các giảng viên, các luật sư giàu kinh nghiệm tranh tụng trong tố tụng hình sự biên soạn. Đây là tài liệu có tính khái quát, thực tiễn cao về bản chất của tố tụng tranh tụng và những kỹ năng thiết yếu của người bào chữa khi tham gia tranh tụng.

Cuốn sách gồm 7 chương, trong đó nội dung của Chương 1 khái quát về tranh tụng và những yêu cầu chung về tranh

tụng ở Việt Nam; các chương còn lại giới thiệu về các nhóm kỹ năng tranh tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, từ kỹ năng tiếp xúc với khách hàng, thân chủ; thu thập, kiểm tra, phân tích và đánh giá chứng cứ; tham dự một số hoạt động điều tra và làm việc với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đến các kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án; soạn thảo bản luận cứ bào chữa và đặc biệt là các kỹ năng của luật sư tranh tụng trực tiếp tại phiên tòa hình sự. Nội dung cuốn sách được thể hiện bằng việc đưa ra câu hỏi và trả lời đối với mỗi kỹ năng cuối mỗi chương là tình huống cụ thể cùng hệ thống câu hỏi để người học củng cố kiến thức về nhóm kỹ năng được trình bày ở từng chương.

Với những nội dung nêu trên, hy vọng cuốn sách đáp ứng phần nào yêu cầu căn bản để góp phần nâng cao kỹ năng tranh tụng của luật sư, định hướng nghề nghiệp tranh tụng cho các sinh viên luật. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, cuốn sách sẽ không tránh khỏi những hạn chế nhất định, do vậy, tập thể biên soạn rất mong nhận được sự phản hồi, góp ý của quý độc giả.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi nhận được sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc - UNDP tại Việt Nam; Đại học Quốc gia Hà Nội, đặc biệt là Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các luật sư và Ban Chủ nhiệm của các đoàn luật sư: tỉnh Bắc Ninh, thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, tỉnh Nghệ An, tỉnh Quảng Ninh, các văn

phòng luật sư, công ty luật đối tác của Trung tâm Nghiên cứu và hỗ trợ pháp lý (LERES). Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
VÀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ (LERES)

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ TRANH TỤNG VÀ NHỮNG YÊU CẦU CHUNG VỀ TRANH TỤNG Ở VIỆT NAM

I. KHÁI QUÁT VỀ TRANH TỤNG

1. Tranh tụng là gì?

Tranh tụng là phương thức, cách thức giải quyết vụ án, mà ở đó, khi có tranh chấp, kiện tụng, các bên đưa ra chứng cứ, lý lẽ, tranh luận với nhau về tất cả các vấn đề của vụ án. Việc chứng minh vụ án thuộc về trách nhiệm của các bên, Tòa án chỉ đóng vai trò trọng tài, điều khiển quá trình tranh tụng giữa các bên và đưa ra phán quyết khách quan, công bằng đúng pháp luật trên cơ sở tranh tụng bình đẳng, dân chủ trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Trong vụ án hình sự, tranh tụng đòi hỏi hình thành các bên buộc tội và gỡ tội, có địa vị bình đẳng trong việc thu thập chứng cứ, đưa ra lý lẽ, lập luận chứng minh cho các đối tượng chứng minh về tội phạm và các vấn đề liên

quan đến vụ án. Nói cách khác, tranh tụng trong tố tụng hình sự là phương thức giải quyết vụ án hình sự, đề cao sự bình đẳng giữa các bên buộc tội và bên gỡ tội, họ có địa vị pháp lý ngang nhau trong quá trình xác định sự thật khách quan của vụ án và Tòa án sẽ ra phán quyết dựa trên các căn cứ pháp luật cùng kết quả tranh tụng giữa các bên tại phiên tòa. Với nội hàm này thì bất kỳ khi nào, ở đâu có hành vi buộc tội sẽ ngay lập tức xuất hiện hoạt động gỡ tội cùng với vai trò trọng tài của Tòa án trong suốt quá trình tố tụng, làm nên bản chất của tố tụng tranh tụng trong vụ án hình sự. Mô hình tố tụng hình sự tranh tụng với bản chất nêu trên thể hiện sự ưu việt trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, bảo đảm tính khách quan, công bằng, đúng pháp luật, bảo đảm quyền con người thông qua quá trình tố tụng bình đẳng, dân chủ giữa các bên buộc tội, gỡ tội. Do vậy, xây dựng, chuyển đổi sang mô hình tố tụng tranh tụng là xu hướng tất yếu của luật tố tụng hình sự của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

2. Tố tụng hình sự tranh tụng có những đặc điểm gì?

So với các mô hình tố tụng hình sự khác, tố tụng hình sự tranh tụng có những đặc điểm chủ yếu sau:

- Tố tụng hình sự tranh tụng coi vụ án hình sự là quá trình giải quyết tranh chấp giữa người bị buộc tội với Nhà nước - đại diện cho xã hội thực hiện việc buộc tội.

Cách tiếp cận này hoàn toàn khác với việc coi giải quyết vụ án hình sự là quan hệ công quyền, Nhà nước đại diện cho xã hội truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội trong mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn.

- Tố tụng hình sự tranh tụng hình thành các bên buộc tội, bên gỡ tội xoay quanh hai chủ thể chính: người bị buộc tội (gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo) và người buộc tội. Bên buộc tội bao gồm các chủ thể công tố, tư tố, bị hại, người làm chứng có lời khai có tính chất buộc tội...; Bên gỡ tội là người bị buộc tội (người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo), người bào chữa, người làm chứng có lời khai có tính chất gỡ tội... Tố tụng tranh tụng không phân chia chủ thể thành cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng và người tham gia tố tụng như trong mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn.

- Các bên buộc tội, gỡ tội bình đẳng trong việc thu thập chứng cứ, chứng minh và có quyền ngang nhau trong việc đưa ra lý lẽ, lập luận về các vấn đề liên quan đến vụ án. Mô hình tố tụng đòi hỏi các bên phải kiểm tra xác minh chéo chứng cứ và nhân chứng của bên đối lập, từ đó tìm ra kẽ hở của nhau. Thủ tục này chủ yếu xuất hiện ở các nước theo hệ thống pháp luật Anh - Mỹ và lan rộng ra nhiều quốc gia khác.

- Mô hình tố tụng hình sự tranh tụng coi người bị buộc tội là đối tượng yếu thế trong xã hội nên đã chú ý tạo ra cơ sở pháp lý và các điều kiện cần thiết để họ có thể bình đẳng với bên buộc tội vốn dĩ có nhiều ưu thế hơn do họ đại diện

cho công quyền. Quyền con người của người bị buộc tội được đặc biệt quan tâm trong quá trình tranh tụng giải quyết vụ án hình sự, tố tụng tranh tụng có cơ chế tranh tụng để bảo đảm tính có căn cứ của các quyết định bắt, giam, tước quyền tự do, được sớm đưa ra Tòa án hoặc một cơ quan tài phán có thẩm quyền thực hiện chức năng tư pháp và phải được xét xử trong thời hạn hợp lý hoặc được trả tự do... là những quyền con người được quy định tại Điều 9 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966.

- Các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự được phân định rõ ràng tương ứng với các chủ thể buộc tội, chủ thể gỡ tội và chủ thể xét xử; Tòa án chỉ thực hiện chức năng xét xử với vai trò điều khiển, trọng tài cho việc tranh tụng giữa các bên; chỉ dẫn Bồi thẩm đoàn về luật nội dung, luật hình thức để giúp Bồi thẩm đoàn đưa ra các phán quyết về nội dung vụ án; áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Tòa án không có nghĩa vụ chứng minh tội phạm hay có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự như trong mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn.

- Tố tụng tranh tụng không buộc người bị buộc tội phải khai báo về hành vi phạm tội của mình, họ không có trách nhiệm tự buộc tội và làm xấu thêm tình trạng của mình, họ được quyền giữ im lặng; trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc trách nhiệm của bên buộc tội. Vì vậy, tố tụng hình sự tranh tụng không mong đợi sự hợp tác của người bị buộc tội trong việc chứng minh làm rõ tội phạm trừ trường hợp thỏa thuận, mặc cả nhận tội.

- Người bào chữa có vai trò quan trọng trong tố tụng hình sự tranh tụng, là trụ cột của bên gỡ tội trong suốt quá trình tranh tụng với bên buộc tội, hoạt động bào chữa là yếu tố có tính chất then chốt để vụ án được tiến hành khách quan, bình đẳng và bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự.

- Tố tụng tranh tụng được tiến hành công khai, dân chủ và có tính chất mở, tạo cơ hội cho bên buộc tội và bên gỡ tội có cơ hội thực hiện các quyền tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tố tụng tranh tụng không phân chia giai đoạn tố tụng rõ ràng như tố tụng thẩm vấn, vụ án chỉ được coi là bắt đầu chính thức khi có cáo trạng để thực hiện các thủ tục tranh tụng tại Tòa án, trong quá trình xét xử, các bên vẫn tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ và xuất trình chứng cứ tại bất kỳ thời điểm nào của quá trình xét xử.

3. Tố tụng tranh tụng có những ưu điểm, hạn chế nào?

a) Ưu điểm

- So với các mô hình tố tụng khác thì mô hình tố tụng tranh tụng đề cao quyền con người của người bị buộc tội và có phương thức bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội hiệu quả hơn;

- Mô hình tố tụng tranh tụng là biểu hiện của việc phát huy tối đa tính dân chủ trong hoạt động tố tụng;

- Hạn chế đến mức tối thiểu các trường hợp kết án oan người không có tội. Tuy không phải không có các vụ án oan, sai, nhưng tỷ lệ này ít hơn so với mô hình tố tụng thẩm vấn do quá trình tố tụng diễn ra dân chủ, khách quan hơn.

b) Hạn chế

- Tố tụng tranh tụng có khả năng bỏ lọt tội phạm cao hơn so với mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn hay mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm.

- Mô hình tố tụng tranh tụng được xem là một mô hình tố tụng tốn kém so với các mô hình tố tụng khác và hiệu quả tranh tụng phụ thuộc vào chất lượng, số lượng thực tế của đội ngũ luật sư tranh tụng, khả năng trả phí luật sư của người bị buộc tội và khả năng miễn phí cung cấp luật sư tranh tụng của Nhà nước cho những người bị buộc tội không có khả năng trả phí; sự tốn kém không chỉ là tiền bạc, vật chất mà còn tốn kém về thời gian công sức của những người có liên quan.

- Tòa án có vai trò thụ động hơn trong việc chứng minh tội phạm so với tố tụng thẩm vấn.

4. Tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam được thể hiện như thế nào?

Lần đầu tiên nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” được quy định trong Hiến pháp năm 2013 (khoản 5 Điều 103) và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Điều 26) đánh dấu sự thay đổi căn bản cách tiếp cận cũng

như phương thức giải quyết vụ án hình sự. Nguyên tắc này đã thể hiện tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 với việc xây dựng hoạt động tố tụng hình sự dân chủ, bình đẳng bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

“Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” là một trong những nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, là định hướng cho việc xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật tố tụng hình sự được quy định tại Điều 26 của Bộ luật này, với các nội dung sau:

Thứ nhất, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự các chủ thể tiến hành tố tụng và chủ thể tham gia tố tụng bình đẳng đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra các yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. “Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án”¹.

Thứ hai, pháp luật tố tụng hình sự quy định các điều kiện để tiến hành hoạt động tranh tụng trong xét xử, như: hồ sơ vụ án phải đầy đủ, hợp pháp khi Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án; bảo đảm sự có mặt đầy đủ của các

1. Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

thành phần tham dự phiên tòa theo quy định của pháp luật trừ một số trường hợp đặc biệt; Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho các bên thực hiện tranh tụng dân chủ bình đẳng. “Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án”¹.

Thứ ba, chứng cứ và các điều, khoản áp dụng để giải quyết các vấn đề của vụ án phải được đưa ra xem xét, làm rõ tại phiên tòa: “Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa”².

Thứ tư, hoạt động bào chữa và vai trò của luật sư được nâng cao, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 lần đầu tiên

1, 2. Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

quy định một chương riêng về bào chữa (Chương V: Bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự).

Thứ năm, kết quả tranh tụng tại phiên tòa là cơ sở, căn cứ để Tòa án ra bản án và các quyết định của mình “Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa”¹.

Với những nội dung của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 lần đầu tiên đã khẳng định tranh tụng là phương thức ưu việt trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án hình sự, là xu thế tất yếu của tố tụng hình sự, thể hiện mô hình tố tụng dân chủ, bình đẳng, tôn trọng và bảo vệ công lý, quyền con người. Mặc dù Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chưa chuyển đổi hoàn toàn sang mô hình tố tụng hình sự tranh tụng nhưng việc quy định phải bảo đảm tranh tụng trong xét xử - hoạt động trung tâm của tố tụng hình sự có ý nghĩa “lan tỏa” đến toàn bộ quá trình tố tụng hình sự giải quyết vụ án. Đồng thời, nguyên tắc này đã thể hiện chính sách, pháp luật về tố tụng hình sự hiện nay của Đảng được ghi nhận trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp.

1. Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Việc quy định nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã phản ánh bước tiến của nền tư pháp nước nhà, tạo sự chuyển biến về chất, có tính quyết định đối với hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự. Đồng thời, đưa ra những yêu cầu, điều kiện để bảo đảm thực thi nguyên tắc này khi giải quyết vụ án hình sự, đặc biệt nhấn mạnh đến trách nhiệm bảo đảm tranh tụng trong xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng: “Thực hiện nguyên tắc này đòi hỏi phải thay đổi mạnh mẽ từ ý thức đến hành động, phải xác định bảo đảm tranh tụng là trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng”¹.

Mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay vẫn là mô hình tố tụng xét hỏi có tiếp thu các yếu tố hợp lý của tố tụng tranh tụng. “Tranh tụng trong xét xử” vẫn đang cần rất nhiều nỗ lực để “được bảo đảm”, việc tranh tụng trước giai đoạn xét xử còn tương đối mờ nhạt. Việc thực hiện quyền thu thập chứng cứ của luật sư còn gặp nhiều khó khăn, quá trình xét xử, đưa ra bản án của Tòa án trong nhiều trường hợp vẫn dựa trên cơ sở hồ sơ vụ án và các chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập, số lượng và chất lượng luật sư còn những hạn chế nhất định. Do đó, bảo đảm tranh tụng trong tố tụng hình sự là trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng và cũng là của các luật sư tranh tụng.

1. PGS.TS. Nguyễn Hòa Bình (Chủ biên): *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015* (sách chuyên khảo), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.34.

5. Có các yêu cầu chung nào về tranh tụng trong tố tụng hình sự?

Tranh tụng được coi là nền tảng bảo đảm giải quyết vụ án khách quan và đã trở thành các nguyên tắc được ghi nhận trong tài liệu quốc tế như Bình luận chung số 32 (Quyền bình đẳng trước Tòa án và quyền được xét xử công bằng) và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, mà Việt Nam là thành viên. Theo đó, những yêu cầu chung về tranh tụng được đưa ra, bao gồm:

- Quyền được có luật sư của người bị buộc tội: đó là quyền có luật sư đại diện cho người bị buộc tội/bị bắt giữ về một tội phạm và phải cho phép luật sư được gặp khách hàng/thân chủ ở thời điểm sớm nhất trong quy trình tố tụng;

- Nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định và phải được thực thi nghiêm túc trong quá trình giải quyết vụ án với nội dung: một người bị buộc tội trong bất kỳ hệ thống tư pháp nào cũng đều được xem là không phạm tội nếu chưa có bản án kết tội có hiệu lực của Tòa án; phải lựa chọn cách có lợi cho họ khi giải thích luật hoặc diễn giải chứng cứ;

- Các luật sư có thể đưa ra bằng chứng do chính họ thu thập trước tòa;

- Luật sư có nghĩa vụ bảo đảm sự tín nhiệm của khách hàng đối với mình, để người bị buộc tội tin tưởng có thể nói ra những điều riêng tư của họ cho luật sư với sự bảo đảm

ràng, luật sư sẽ giữ bí mật đối với thông tin được cung cấp và chỉ sử dụng khi được khách hàng đồng ý;

- Các quy tắc về chứng cứ: nền tảng của hệ thống tranh tụng là ý tưởng cả hai bên đều có thể đưa ra những chứng cứ thu được một cách hợp pháp. Các luật sư phải biết làm cách nào để đưa những bằng chứng đó ra trước tòa và phải có khả năng phản bác lại những bằng chứng của công tố viên (kiểm sát viên) trên cơ sở tranh luận pháp lý về những nguyên tắc của chứng cứ;

- Luật sư phải có khả năng thực hiện thu thập thông tin, điều tra thực tế vụ việc bằng cách đánh giá những bằng chứng của công tố viên sử dụng tại Tòa án và có khả năng hỏi tất cả nhân chứng do bên công tố đưa ra. Luật sư cần có khả năng minh họa rằng có những tình tiết khác hoặc mới chỉ ra rằng thân chủ của mình không phạm tội như công tố viên đã nêu;

- Luật sư phải có bản lĩnh, có lập trường vững vàng khi có quan điểm bất đồng với công tố viên, có khả năng khẳng định các quyền của thân chủ của mình và tạo ra những lập luận pháp lý chặt chẽ dựa trên thực tiễn vụ án;

- Việc xét xử phải được công khai và trực tiếp (trừ những vụ án hình sự mà pháp luật cho phép xét xử kín), bằng chứng phải được đưa ra bằng lời nói để đảm bảo các quy tắc nêu trên và hạn chế những ảnh hưởng không đáng có khi sử dụng chứng cứ trong quá trình xét xử vụ án hình sự;

- Thẩm phán phải công bằng, nghiêm minh trong hoạt động xét xử;

- Luật sư phải được làm việc với thân chủ một cách riêng tư mà không có mặt của đại diện bên công tố hoặc cảnh sát.

II. CÁC YÊU CẦU ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ CHUYÊN MÔN ĐỐI VỚI LUẬT SƯ TRANH TỤNG TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

1. Tại sao phải đặt ra yêu cầu đạo đức nghề nghiệp và chuyên môn đối với luật sư?

“Nghề luật sư là nghề cao quý” nên cần có yêu cầu cao về đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật sư bởi những lý do sau:

- Thông qua các hoạt động nghề nghiệp, khi tham gia tố tụng, luật sư đã góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ tính đúng đắn của các quyết định, phán xử về tội phạm và người thực hiện tội phạm trong quá trình giải quyết vụ án, góp phần khôi phục công lý và bảo vệ công lý. Vai trò này của luật sư thể hiện rõ trong tố tụng hình sự tranh tụng. Tranh tụng là một trong các phương thức quan trọng để xác định sự thật của vụ án và sự thật của vụ án được xác định qua các chứng cứ, các lập luận của hai bên có vị trí, quyền và lợi ích đối lập nhau. Luật sư đứng về phía của một trong hai bên tranh chấp này. Do vậy, bên cạnh việc luật sư phải am hiểu pháp

luật, họ phải có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh vững vàng, kiên trì, kiên quyết đấu tranh để bảo vệ công lý và bảo vệ thân chủ.

- Với vai trò bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của thân chủ, hoạt động của luật sư hướng tới việc phát hiện, ngăn chặn các vi phạm, bảo vệ quyền con người của thân chủ trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án hình sự. Để thực hiện tốt vai trò này, luật sư cần có thái độ trung thực, gần gũi, cảm thông với thân chủ để có thể hiểu rõ các tình tiết về vụ án cũng như những uẩn khúc, e ngại của thân chủ, giúp cho thân chủ nhận thức và hành động đúng đắn khi tham gia các hoạt động tố tụng.

- Thông qua các hoạt động của mình trong quá trình giải quyết vụ án, luật sư góp phần vào việc bảo vệ các giá trị pháp quyền, góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ các lợi ích của quốc gia, dân tộc và Nhân dân. Vì vậy, luật sư phải là người trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân, kiên quyết đấu tranh vì độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, vì cuộc sống bình yên của Nhân dân, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa và trật tự pháp luật.

2. Có những đòi hỏi nào về đạo đức nghề nghiệp đối với luật sư ở Việt Nam?

Ngày 20/7/2011, Hội đồng luật sư toàn quốc đã ban hành Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam kèm theo Quyết định số 68/QĐ-HĐLSTQ. Theo đó:

- Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư khẳng định vị trí, tầm quan trọng đạo đức nghề nghiệp của luật sư: “Tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp là nền tảng cơ bản của nghề luật sư”.

- Quy tắc đạo đức nghề nghiệp là thước đo năng lực, phẩm chất, trách nhiệm của luật sư và là cơ sở để xã hội tôn vinh nghề luật sư. Lời nói đầu của Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam đã khẳng định: “Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư quy định những chuẩn mực về đạo đức và ứng xử nghề nghiệp, là thước đo phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư”.

- Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam đòi hỏi mỗi luật sư phải tự rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn và “phải lấy Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp này làm khuôn mẫu cho sự tu dưỡng, rèn luyện để giữ gìn uy tín nghề nghiệp, thanh danh của luật sư, xứng đáng với sự tôn vinh của xã hội”.

3. Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam đặt ra những tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp như thế nào đối với luật sư?

- Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam quy định 05 quy tắc chung được quy định tại Chương I, bao gồm: Bảo vệ công lý và nhà nước pháp quyền; Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan; Bảo vệ tốt nhất

lợi ích của khách hàng; Thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí; Xứng đáng với sự tin cậy của xã hội. Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam đặt ra các quy tắc cho từng mối quan hệ với khách hàng, với đồng nghiệp, với cơ quan tiến hành tố tụng và với xã hội.

- Trong quan hệ với khách hàng, luật sư phải tôn trọng, tận tâm, bảo vệ tốt nhất lợi ích của khách hàng. Ngoài các quy định về việc nên làm và phải làm, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam còn quy định những việc luật sư không được làm để bảo đảm danh tiếng, đạo đức nghề nghiệp của luật sư (Chương II của Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam).

- Trong quan hệ đối với đồng nghiệp, “Luật sư có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ danh dự, uy tín của giới luật sư như bảo vệ danh dự, uy tín của cá nhân mình; giữ gìn sự đoàn kết nội bộ, góp phần xây dựng đội ngũ luật sư trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với sự tôn trọng và tin cậy của xã hội” (Quy tắc 15).

- Trong quan hệ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, “Luật sư phải nghiêm chỉnh chấp hành nội quy và các quy định có liên quan trong quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng; có thái độ hợp tác, lịch sự, tôn trọng những người tiến hành tố tụng mà luật sư tiếp xúc khi hành nghề” (Mục 23.1. Quy tắc 23).

- “Trong quan hệ với cơ quan nhà nước, để thực hiện công việc cho khách hàng, luật sư cần có thái độ lịch sự,

tôn trọng, kiên quyết từ chối những hành vi móc nối, trung gian trái pháp luật, trái đạo đức và lương tâm nghề nghiệp” (Mục 25.2. Quy tắc 25).

4. Những yêu cầu nào về chuyên môn đối với luật sư trong tranh tụng hình sự?

Ngoài bản lĩnh, đạo đức nghề nghiệp, luật sư cần có chuyên môn vững vàng mới có thể thực hiện tốt vai trò của luật sư khi tranh tụng trong vụ án hình sự. Đòi hỏi về chuyên môn của luật sư được thể hiện trong các khía cạnh sau:

- Luật sư cần thường xuyên trau dồi kỹ năng hành nghề luật sư nói chung và kỹ năng hành nghề luật sư tranh tụng nói riêng; sử dụng thành thạo, phù hợp với hoàn cảnh thực tế các kỹ năng tiếp xúc với khách hàng, tham gia các hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ, trao đổi, tranh biện với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, soạn thảo các văn bản tranh tụng, các kỹ năng tranh tụng trực tiếp tại phiên tòa...

- Luật sư phải nắm vững các quy định của pháp luật trong lĩnh vực hành nghề, có nền tảng kiến thức pháp luật vững chắc và kiến thức xã hội tốt, thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, các văn bản luật khác liên quan cũng như các hướng dẫn thi hành của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan trong tư pháp hình sự.

- Luật sư cần chia sẻ, thảo luận với các luật sư đồng nghiệp, đặc biệt là đồng nghiệp trẻ về các tình huống, các bài học thành công và thất bại khi hành nghề để đúc rút kinh nghiệm khi tiến hành tranh tụng trên tinh thần chịu khó, khiêm tốn học hỏi.

- Luật sư cần thường xuyên nâng cao kiến thức, kỹ năng hành nghề thông qua việc nghiên cứu sách vở, tham dự các tọa đàm, hội thảo khoa học... để trang bị cho mình những tri thức mới không chỉ trong lĩnh vực pháp luật mà các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

- Luật sư cần tăng cường khả năng ngoại ngữ, kiến thức pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia để có thể tham gia tranh tụng trong vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài.

Chương 2

KỸ NĂNG TRAO ĐỔI VỚI KHÁCH HÀNG, THÂN CHỦ

Khách hàng vừa là đối tác, vừa là đối tượng phục vụ của luật sư. Trong vụ án hình sự, khách hàng có thể là người bị buộc tội, là bị hại hoặc đương sự - là thân chủ được luật sư bào chữa, bảo vệ, hoặc khách hàng cũng có thể chỉ là người thân thích của những người tham gia tố tụng này. Thành ý hợp tác của khách hàng, của thân chủ là yếu tố quan trọng để luật sư đạt được hiệu quả bào chữa, bảo vệ và ngược lại, ngoài uy tín chuyên môn của luật sư, kỹ năng trao đổi với khách hàng, thân chủ của luật sư cũng là một trong các chìa khóa cho việc xây dựng thành công mối quan hệ giữa luật sư với khách hàng của mình.

Khi trao đổi với khách hàng, luật sư có thể đề cập các nội dung khác nhau, bằng các phương thức khác nhau trong mỗi giai đoạn, thời điểm tố tụng khác nhau của quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên, đều dựa trên các nguyên tắc chung về giao tiếp, về tìm kiếm thông tin từ khách hàng và đều cần dựa trên tri thức, kinh nghiệm tố tụng và

các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, ứng xử nghề nghiệp của luật sư.

Câu 1: Làm thế nào để luật sư thu nhận được thông tin đầy đủ, chính xác từ khách hàng?

Trả lời:

- Luật sư cần đặt câu hỏi để khách hàng tường thuật lại toàn bộ nội dung sự việc, những thông tin mà họ biết; trong quá trình họ tường thuật cần đặt các câu hỏi để khách hàng trả lời vào trọng tâm vấn đề và có thể đặt thêm các câu hỏi mang tính chất làm rõ, mang tính chất gợi mở hoặc yêu cầu họ nhắc lại một số chi tiết quan trọng.

- Luật sư nên chăm chú nghe, ghi chép hoặc đề nghị ghi âm để tiếp nhận thông tin đầy đủ, nên động viên họ bình tĩnh, không quá xúc động hoặc kích động; yêu cầu họ có sự tin tưởng và hợp tác với luật sư để họ tiếp tục trả lời các câu hỏi của luật sư trung thực, không giấu giếm.

- Luật sư nên đề nghị khách hàng cung cấp các tài liệu, đồ vật có thể dùng để chứng minh cho các thông tin mà khách hàng vừa chia sẻ hoặc chỉ dẫn người, nguồn có những thông tin liên quan để làm sáng tỏ vụ việc.

- Trong quá trình ghi chép, luật sư cũng nên tự đặt ra các câu hỏi với chính mình về thực chất vai trò của thân chủ, các vấn đề khách hàng chưa muốn cung cấp thông tin, mong muốn của khách hàng đối với luật sư, khả năng ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa hai bên.

Câu 2: Khi trao đổi, tư vấn cho người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố luật sư cần phải làm gì?

Trả lời:

- Luật sư nên động viên khách hàng bình tĩnh và hợp tác với luật sư để có phương án xử lý tốt nhất trong tình huống hiện tại, yêu cầu họ cung cấp đầy đủ, chi tiết thông tin về nội dung sự việc mà họ bị tố giác, kiến nghị khởi tố, về vai trò của họ.

- Luật sư yêu cầu khách hàng cho biết những nội dung chính trong kết luận thanh tra, kiểm toán (nếu có)... của cơ quan đã kiến nghị khởi tố, thông tin mà khách hàng đã cung cấp cho cơ quan đã kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra trong các lời khai, bản tường trình, các câu hỏi và yêu cầu của điều tra viên, các tài liệu đã giao nộp, các “thông điệp” từ điều tra viên.

- Luật sư nghe và lưu ý các lập luận, chứng cứ mà khách hàng tự cho rằng có thể dựa vào để bào chữa, bảo vệ cho chính mình để giúp họ hiểu đúng giá trị bào chữa, bảo vệ hoặc để luật sư khai thác thêm.

- Luật sư nên đưa ra các dự đoán ban đầu với các giả thiết khác nhau tại thời điểm hiện tại về tội danh, loại tội phạm và quy trình tố tụng tương ứng nếu khách hàng yêu cầu và lưu ý khách hàng đây chỉ là các dự đoán trên cơ sở những thông tin được cung cấp, được cập nhật tại thời điểm ban đầu.

- Về khả năng thân chủ bị khởi tố bị can, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh... hay các biện pháp cưỡng chế khác, luật sư trả lời thân chủ khi có cơ sở chắc chắn. Trước đề xuất của khách hàng về việc luật sư có biện pháp phù hợp để không bị khởi tố, không bị tạm giam, luật sư cần thận trọng và đưa ra câu trả lời khi có đủ thông tin, căn cứ pháp lý và sau khi đã trao đổi, đề xuất sơ bộ với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Câu 3: Khi gặp thân chủ đang bị tạm giam, luật sư cần chú ý những vấn đề gì?

Trả lời:

- Luật sư cần thực hiện đúng các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của cơ sở giam giữ trong thủ tục gặp thân chủ đang bị tạm giam.

- Luật sư nên quan tâm tới tình trạng sức khỏe thể chất và tâm thần của thân chủ khi bị tạm giam, nhu cầu của thân chủ về chế độ tạm giam, về việc thăm gặp, gửi quà của gia đình; động viên và khẳng định sự đồng hành của luật sư đối với thân chủ để tạo được niềm tin và từ đó giúp thân chủ cởi mở hơn trong việc chia sẻ thông tin về vụ án. Đặc biệt, luật sư nên quan tâm đến thân chủ trong trường hợp thân chủ thuộc nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như người dưới 18 tuổi, người bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, người dân tộc thiểu số...

- Luật sư yêu cầu trao đổi trực tiếp về sự tham gia của thân chủ trong vụ án, vai trò, nguyện vọng của thân chủ và quan điểm giải quyết vụ án của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các hướng bào chữa phù hợp và phương thức triển khai hướng bào chữa, các điều kiện để đạt được mục tiêu bào chữa.

- Luật sư chốt lại các công việc hai bên sẽ cùng thực hiện, những đề xuất đối với thân chủ về thái độ khai báo, nội dung khai báo, về vấn đề bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả.

Câu 4: Những nội dung nào cần trao đổi với khách hàng để chuẩn bị cho việc bồi thường thiệt hại cho bị hại?

Trả lời:

- Nếu xác định rõ thân chủ có lỗi và sẽ phải thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại, luật sư nên tư vấn cho thân chủ thực hiện sớm việc xin lỗi, bồi thường thiệt hại cho bị hại với mức bồi thường phù hợp với phần thiệt hại mà thân chủ gây ra và phù hợp với điều kiện kinh tế hiện có.

- Khách hàng nên thể hiện thành ý xin lỗi và bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả từ đó kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Về mức bồi thường, nên cân nhắc mức độ thiệt hại thực tế, quy định của pháp luật về các loại tổn thất để giúp thân chủ đàm phán về mức bồi thường, nên có phương án chia thành các lần bồi thường.

- Luật sư nên tư vấn cho thân chủ có các đề xuất với bị hại và gia đình của bị hại trong quá trình thương lượng về vấn đề bồi thường để họ tự nguyện có các động thái có lợi cho việc bào chữa cho thân chủ.

- Việc bồi thường cần được lập thành biên bản, nên có người chứng kiến, có giấy biên nhận tiền; trường hợp thỏa thuận bồi thường không thành cũng cần lập thành biên bản. Luật sư tư vấn cho thân chủ chuyển tiền bồi thường vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự nếu bị hại từ chối nhận bồi thường. Các biên bản, giấy biên nhận tiền cần được chuyển giao ngay cho cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án.

Câu 5: Những nội dung nào cần trao đổi với thân chủ là bị cáo trước ngày mở phiên tòa hình sự sơ thẩm?

Trả lời:

- Luật sư nên thống nhất phương án bào chữa với thân chủ, sự phối hợp cần có của thân chủ với luật sư, các nội dung trả lời cho các câu hỏi của luật sư hai bên và các câu hỏi dự kiến của Hội đồng xét xử, kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng khác.

- Luật sư cần dặn thân chủ về nội dung tự bào chữa trong phần tranh luận, về lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án để cộng hưởng với phần tranh tụng của luật sư để đạt hiệu quả bào chữa cao nhất.

- Luật sư tư vấn cụ thể cho thân chủ về trình tự phiên tòa, thái độ, trang phục, cách xưng hô phù hợp của thân chủ tại phiên tòa.

Câu 6: Những nội dung nào cần trao đổi với thân chủ là bị hại trước khi tham dự phiên tòa hình sự sơ thẩm?

Trả lời:

- Luật sư nên thống nhất phương án bảo vệ với thân chủ, sự phối hợp cần có của thân chủ với luật sư, các nội dung trả lời cho các câu hỏi của luật sư và các câu hỏi dự kiến của Hội đồng xét xử, kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng khác.

- Luật sư cần dặn, soạn thảo cho thân chủ về nội dung tự bảo vệ trong phần tranh luận, về sự bổ sung của thân chủ sau lời bảo vệ của luật sư, về các yêu cầu hỏi và tranh luận của bị hại để hỗ trợ cho phần tranh tụng của luật sư. Luật sư nên giúp họ hệ thống lại các thiệt hại, đồng thời khuyên họ nên trình bày một cách chân thực, có tính cảm xúc, có tính nhân văn trong nội dung phát biểu.

- Luật sư tư vấn cụ thể cho thân chủ về trình tự phiên tòa, thái độ, trang phục, cách xưng hô phù hợp của thân chủ tại phiên tòa: tránh sự e ngại, lúng túng hoặc kích động quá mức tại phiên tòa, đặc biệt là khi bị cáo hoặc gia đình, người bào chữa của bị cáo khiêu khích, xúc phạm.

Câu 7: Những nội dung nào cần trao đổi với thân chủ là bị cáo để chuẩn bị cho việc kháng cáo?

Trả lời:

- Luật sư cần tư vấn cho thân chủ về phạm vi kháng cáo ở tư cách tố tụng của thân chủ. Nếu luật sư là người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, đương sự khác chỉ được kháng cáo trong trường hợp thân chủ là người dưới 18 tuổi hoặc người có nhược điểm về tâm thần, thể chất, tuy nhiên, cũng cần trao đổi, tư vấn với gia đình thân chủ về nội dung kháng cáo.

- Nếu thân chủ đang bị tạm giam, luật sư tư vấn cho bị cáo về quy trình kháng cáo: trại tạm giam cung cấp mẫu đơn, chuyển đơn kháng cáo đến Tòa án có thẩm quyền. Tuy nhiên, về nội dung đơn, cần lưu ý ngày, tháng, năm làm đơn kháng cáo; lý do và yêu cầu của người kháng cáo.

- Luật sư tư vấn cho thân chủ viết đơn kháng cáo đúng trọng tâm, trọng điểm, gửi đúng nơi, đúng hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Một số nội dung nếu chưa đưa vào đơn kháng cáo có thể gửi kèm theo, gửi sau đơn kháng cáo như văn bản kiến nghị, các chứng cứ, tài liệu, để làm rõ lý do và yêu cầu kháng cáo.

- Ngoài ra, luật sư có thể tư vấn cho thân chủ thực hiện quyền thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo trên nguyên

tắc không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo, việc kháng cáo quá hạn và xét kháng cáo quá hạn.

Trên cơ sở các kỹ năng trao đổi với khách hàng, thân chủ được giới thiệu ở phần trên, anh (chị) hãy áp dụng vào các tình huống cụ thể của vụ án dưới đây với việc trả lời các câu hỏi sau:

Chị Nguyễn Thị N được người quen giới thiệu và đưa đến gặp luật sư để nhờ bào chữa cho chồng là anh Vũ Tuấn B đang bị khởi tố và bị tạm giam tại Công an tỉnh T.

Nội dung vụ án liên quan đến vợ chồng chị như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 29/8/2018, Vũ Tuấn B dẫn vợ là chị Nguyễn Thị N cùng con 9 tuổi đi ăn bánh xèo tại một quán ăn ở phường Q, thành phố T, tỉnh T. Trong quán có khoảng 10 người đang uống rượu ở bàn bên cạnh. Trong nhóm người này có vài người mà Tuấn B quen biết.

Khi vợ chồng Tuấn B đang ăn thì một thanh niên bàn bên sang mời rượu. Tuấn B sau đó qua giao lưu, mời lại vài chén.

Vài phút sau, anh Nguyễn Mạnh H (28 tuổi) sang mời rượu và ngồi cạnh vợ anh Tuấn B. Tại đây, anh H một tay cầm chén rượu mời, tay còn lại có hành vi khiếm nhã với chị N. Khi Tuấn B trừng mắt nhìn, H lại tiếp tục kéo áo ngực chị N.

Bực tức, Tuấn B đã vỗ vai rồi gọi H ra ngoài nói chuyện. Hai bên xảy ra xô xát. Lúc này, bạn của anh H ra can ngăn nhưng Tuấn B đã vội lao vào trong quán lấy kéo rồi quay lại đâm H nhiều nhất khiến H tử vong.

Đến gần 9 giờ sáng 30/8/2018, được sự vận động của vợ và người thân, Vũ Tuấn B đã đến cơ quan công an đầu thú.

Câu hỏi 1: Luật sư sẽ hỏi chị N để làm rõ những tình tiết nào của vụ án trong lần tiếp xúc đầu tiên với chị N?

Câu hỏi 2: Chị N cho biết hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn, mọi người khuyên chỉ nên bồi thường cho gia đình Nguyễn Mạnh H một chút “gọi là có” vì anh H có lỗi, hơn nữa tiền còn phải tập trung để lo án cho anh Tuấn B sau này rất tốn kém. Trong khi đó, gia đình Nguyễn Mạnh H đã đánh tiếng yêu cầu bồi thường trọn gói một tỷ đồng.

Luật sư sẽ tư vấn cho chị N như thế nào trong tình huống này?

Câu hỏi 3: Luật sư đã được tham dự hỏi cung bị can và nhận thấy thân chủ khai khi hỏi cung đúng với nội dung vụ án như chị N đã trình bày. Tuấn B có khai cụ thể hơn là lúc xô xát, Tuấn B rất bực tức trước thái độ thách thức của Nguyễn Mạnh H và H còn nói là sẽ chơi chị N bằng được thì thôi rồi đánh vào mặt, vào bụng Tuấn B. Vì vậy, Tuấn B đã cố gượng dậy lao vào trong quán lấy kéo rồi quay lại đâm H nhiều nhất khiến H tử vong.

Luật sư sẽ hỏi và lưu ý những vấn đề gì khi vào trại tạm giam gặp riêng Vũ Tuấn B?

Câu hỏi 4: Chị N cho luật sư biết hiện cuộc sống của mẹ con chị đang rất căng thẳng, chồng bị tạm giam, chị đi làm bị xì xầm bàn tán. Đặc biệt, gia đình anh H vì xót con, vì cho rằng chị N lẳng lơ đã hại chết con họ, nên đã nhiều lần có hành vi khùng bố tinh thần chị N, đặc biệt vợ anh H đã thuê côn đồ hành hung chị N may mà hàng xóm can thiệp kịp thời nhưng bọn côn đồ vẫn tiếp tục đe dọa qua điện thoại hoặc trực tiếp đến nhà càn quấy. Chị N không biết làm thế nào để hai mẹ con được yên ổn sống tiếp.

Luật sư sẽ tư vấn và giúp đỡ cho mẹ con chị N như thế nào?

Câu hỏi 5: Tòa án nhân dân tỉnh T đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo Vũ Tuấn B về Tội giết người theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Với định hướng bào chữa đã xác định, Luật sư sẽ trao đổi với bị cáo những vấn đề gì khi vào gặp bị cáo trong trại tạm giam trước ngày mở phiên tòa?

Chương 3

KỸ NĂNG THU THẬP, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ

Về lý thuyết, chứng minh là việc sử dụng các chứng cứ để làm sáng tỏ bản chất và các tình tiết của vụ án và nghĩa vụ chứng minh thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, với tư cách là người bào chữa, bảo vệ, luật sư cũng tham gia quá trình chứng minh với các hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ của riêng mình để có thể tranh tụng, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cho thân chủ của mình một cách hiệu quả nhất.

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, người bào chữa cũng có quyền thu thập chứng cứ trong giới hạn ở một số biện pháp thu thập theo quy định của khoản 2 Điều 88 Bộ luật này: “Để thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa”. Đối với hoạt động kiểm tra chứng cứ, luật sư kiểm tra tính xác

thực của chứng cứ, xem xét tài liệu thu thập được có đảm bảo tính khách quan, liên quan và hợp pháp hay không. Chỉ khi nào những thuộc tính này được kiểm tra và đảm bảo tính xác thực của tài liệu thu thập mới được coi là chứng cứ và được sử dụng làm chứng cứ để chứng minh tội phạm. Đối với hoạt động đánh giá chứng cứ, luật sư xác định giá trị và ý nghĩa của chứng cứ trong mối quan hệ với đối tượng chứng minh nên phải đánh giá từng chứng cứ, sau đó đánh giá toàn bộ chứng cứ để rút ra kết luận về vụ án. Hoạt động kiểm tra, đánh giá chứng cứ của luật sư bị hạn chế trong phạm vi những chứng cứ mà luật sư thu thập được hoặc tiếp cận được khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nhưng có ý nghĩa vô cùng quý giá để hình thành các luận điểm, luận cứ, luận chứng bào chữa, bảo vệ cho thân chủ khi tham gia giải quyết vụ án hình sự.

Câu 1: Thế nào là thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ?

Trả lời:

- Thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ là một hoạt động được luật sư tiến hành theo luật định để tìm ra và làm sáng tỏ ý nghĩa, giá trị của các tài liệu, vật chứng góp phần giải quyết vụ án hình sự đúng đắn, khách quan.

- Thu thập chứng cứ là hoạt động của luật sư theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự nhằm thu thập các dấu vết của tội phạm và những tình tiết liên quan đến trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo (hành vi của bị can

bị cáo có cấu thành tội phạm không, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo...) và các tình tiết khác liên quan đến việc làm giảm nhẹ mức độ lỗi và trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

- Kiểm tra chứng cứ là hoạt động của luật sư theo quy định của pháp luật nhằm xác định tính khách quan, liên quan và hợp pháp của chứng cứ.

- Đánh giá chứng cứ là hoạt động của luật sư theo quy định của pháp luật nhằm xác định giá trị chứng minh của chứng cứ trong vụ án hình sự.

Câu 2: Mục tiêu của việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ là gì?

Trả lời:

Mục tiêu của việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ là phát hiện những chứng cứ gỡ tội có giá trị chứng minh và bác bỏ được những chứng cứ buộc tội của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát đã thu thập được để từ đó đưa ra những nhận định, kết luận về việc không phạm tội, hoặc có phạm tội, có hay không có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Câu 3: Khi thu thập chứng cứ, luật sư cần chú ý điều gì?

Trả lời:

Khi thu thập chứng cứ, luật sư cần chú ý những vấn đề sau:

- Chứng cứ phải thỏa mãn đầy đủ các thuộc tính gồm: tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp;

- Đáp ứng đầy đủ các quy định về mặt thủ tục trong thu thập chứng cứ: chẳng hạn, trường hợp luật sư thu thập được vật chứng thì vật chứng phải được bảo quản và giao nộp ngay cho cơ quan tiến hành tố tụng hoặc luật sư phải lập bản danh mục chứng cứ là những tài liệu, đồ vật nộp cho các cơ quan tiến hành tố tụng và chỉ giữ lại bản sao để sử dụng trong việc bào chữa;

- Không thu thập các chứng cứ thuộc bí mật nhà nước hoặc bí mật công tác: nếu là những tài liệu thuộc phạm vi này thì luật sư phải ngừng ngay, nếu không sẽ đặt mình vào tình trạng vi phạm pháp luật.

Câu 4: Kỹ năng thuyết phục người biết các tình tiết, lưu trữ đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án?

Trả lời:

Đối với các cá nhân, tổ chức nắm được các tình tiết của vụ án hoặc lưu trữ các đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án, luật sư cần thuyết phục để lấy được lời khai, vật chứng và giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cho luật sư. Luật sư thuyết phục họ bằng cách nêu rõ tính chất quan trọng, cần thiết của việc cung cấp chứng cứ để làm rõ sự thật khách quan của vụ án; đồng thời việc cung cấp tài liệu, chứng cứ mà cá nhân, tổ chức biết được còn là nghĩa vụ pháp lý công dân trong tố tụng hình sự.

Trong một số trường hợp nhất định, việc khai báo và cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án còn có ý nghĩa bảo vệ quyền lợi cho người thân hoặc chính bản thân người cung cấp thông tin vụ án khi xử lý vụ án của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Pháp luật quy định cơ chế, biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin liên quan đến vụ án và có sự đồng hành của luật sư trong quá trình khai báo, cung cấp đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.

Luật sư cần chú ý:

- Trường hợp người cung cấp thông tin liên quan đến vụ án là người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về thể chất, tinh thần phải có mặt của người đại diện, người chứng kiến;

- Tiến hành đầy đủ các thủ tục thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Khi giao nộp chứng cứ, đồ vật, tài liệu mà luật sư thu thập được cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tiến hành kiểm kê, kiểm tra, mô tả tình trạng, chụp ảnh đồ vật, sao chụp tài liệu và phải lập biên bản bàn giao, bảng kê tài liệu lưu vào hồ sơ vụ án. Luật sư lưu giữ bản sao tài liệu, biên bản bàn giao. Luật sư nên thông báo cho người đã cung cấp biết tài liệu, đồ vật đã được chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Cần lưu ý việc bảo mật những thông tin liên quan đến vụ án mà luật sư được cung cấp và đề nghị cơ quan điều tra có biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

Câu 5: Có những cách thức nào để kiểm tra chứng cứ?

Trả lời:

Có các cách kiểm tra chứng cứ sau:

- Phân tích từng chứng cứ (phân tích tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp của chứng cứ);

- Đối chiếu, so sánh giữa các chứng cứ đã thu thập được;

- Đối chiếu, so sánh giữa các chứng cứ thu thập được xem có phù hợp với thực tế khách quan hay không;

- Tìm ra sự thống nhất, mâu thuẫn giữa các chứng cứ và giữa hệ thống chứng cứ thu thập được với thực tế khách quan và với những chứng cứ luật sư thu thập được. Nếu có mâu thuẫn, luật sư cần phải đặt ra câu hỏi về nguyên nhân của sự mâu thuẫn;

- Thu thập thêm các chứng cứ để khẳng định tính khách quan, liên quan, hợp pháp của các chứng cứ đã có.

- Khi kiểm tra chứng cứ, luật sư cần chú ý:

Thứ nhất, kiểm tra hình thức của chứng cứ để xác định, những chứng cứ thu thập được có đúng với thủ tục, trình tự quy định của pháp luật hay không. Nếu có thì cần đánh dấu để sử dụng trong suốt quá trình tranh tụng tại phiên tòa.

Thứ hai, xem xét nội dung của chứng cứ để xác định, chứng cứ này chứng minh cho yếu tố nào trong cấu thành

tội phạm hoặc chứng minh cho đối tượng chứng minh nào của vụ án có liên quan đến bị can, bị cáo.

Câu 6: Kỹ năng của luật sư trong việc đánh giá chứng cứ?

Trả lời:

Khi đánh giá chứng cứ, luật sư cần có những kỹ năng sau:

- Kỹ năng phân loại chứng cứ: luật sư cần sắp xếp và phân loại chứng cứ theo từng nhóm. Có thể phân theo những nhóm sau:

+ Nhóm chứng cứ là các văn bản tố tụng (quyết định khởi tố, quyết định tạm giam, quyết định phê chuẩn...);

+ Nhóm chứng cứ từ lời khai của các bị can, bị cáo trong vụ án;

+ Nhóm chứng cứ từ lời khai của những người làm chứng trong vụ án;

+ Nhóm chứng cứ từ lời khai của người bị hại;

+ Nhóm chứng cứ liên quan đến khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi; kết luận giám định...;

+ Nhóm những chứng cứ khác (là những tài liệu của các cơ quan, tổ chức cung cấp cho các cơ quan tiến hành tố tụng...).

- Định hướng đánh giá chứng cứ: luật sư đánh giá chứng cứ để xem xét mỗi chứng cứ có giá trị gỡ tội đến đâu. Các chứng cứ này cần chú ý đánh dấu bằng các bút

đánh dấu để khi cần đến có thể tìm kiếm và sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng. Đồng thời, khi nghiên cứu những tài liệu có trong hồ sơ vụ án cần loại bỏ những tài liệu không có liên quan đến việc bào chữa và chỉ giữ lại những tài liệu có liên quan đến việc bào chữa.

- Luật sư cần có tư duy biện chứng, lôgic, khách quan, toàn diện tránh suy diễn chủ quan, phiến diện, máy móc, một chiều khi đánh giá chứng cứ. Trong quá trình đánh giá chứng cứ, cần chú ý xác định chính xác giá trị chứng minh của từng chứng cứ và toàn bộ hệ thống chứng cứ thu thập được đối với từng vấn đề và toàn bộ nội dung vụ án.

Trên cơ sở các kỹ năng thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ được giới thiệu ở phần trên, anh (chị) hãy áp dụng vào các tình huống cụ thể của vụ án dưới đây với việc trả lời các câu hỏi sau:

Bà Vũ Thị M (sinh năm 1961, trú tại tỉnh H) đến nhờ luật sư bào chữa cho con trai tên là H hiện đã bị tạm giam hơn 03 tuần về Tội mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi có tư cách người bào chữa trong vụ án, luật sư đã tiếp cận được tương đối đầy đủ thông tin về vụ án này như sau:

Võ Văn H (sinh năm 1987), con trai bà M, bị khởi tố về Tội “mua bán trái phép chất ma túy”. Liên quan đến vụ án này còn có vợ chồng Nguyễn Xuân C (sinh năm 1981), Nguyễn Thị V (sinh năm 1983). Nguyễn Xuân C

dù đang thi hành bản án 09 năm tù về Tội “vận chuyển trái phép chất ma túy” tại Trại giam Đ (tỉnh Q) nhưng C đã giấu được 02 điện thoại đưa vào buồng giam. C dùng điện thoại liên lạc ra ngoài chỉ đạo việc mua bán ma túy. Ngày 30/7/2017, C gọi điện thuê H đi nhận ma túy đồng thời chỉ đạo vợ là Nguyễn Thị V chuẩn bị tiền cho H. Theo chỉ đạo của C, V đã đưa cho H 12.000 USD và 3 triệu đồng để đi cửa khẩu C (tỉnh H) giao ma túy. H đi xe máy của bà M, để hơn 02kg ma túy tổng hợp và 01 bánh heroin vào cốp xe đi giao cho khách. Khi đến địa phận xã S (tỉnh H) thì bị cơ quan chức năng phát hiện, bắt giữ. Khám xét nhà ở của vợ chồng V, cảnh sát thu giữ thêm 08 gói ma túy đá.

Võ Văn H và các đồng phạm bị truy tố ở khung hình phạt cao nhất là tử hình.

Câu hỏi 1: Đọc các tài liệu về giám định trong hồ sơ vụ án, luật sư nhận thấy cơ quan giám định đã thực hiện đúng câu hỏi trưng cầu giám định là “Mẫu gửi giám định có phải là chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy không? Loại chất ma túy, tiền chất là loại gì? Trọng lượng (khối lượng) của mẫu gửi giám định là bao nhiêu?”. Cơ quan điều tra đã không trưng cầu hàm lượng chất ma túy, tiền chất.

Luật sư đánh giá như thế nào về hoạt động trưng cầu giám định này?

Câu hỏi 2: Bà Vũ Thị M cho rằng “Thằng H bị vợ chồng thằng C thuê thôi. Hấn ngơ ngơ, có tỉnh táo gì đâu mà đi buôn ma túy”. Theo lời kể của bà M, nhà bà quá nghèo, H không được đi học. Năm H lên 10 tuổi, bà M mới xin được cho con đi học lớp 1. Đến năm 2001, khi đang học lớp 5, H bắt đầu có những biểu hiện không bình thường. Sau 01 năm chạy chữa ở bệnh viện tâm thần thì H cũng bỏ học và bắt đầu lang thang không nhớ đường về. “Hấn đi lang thang, rồi người ta cho uống rượu. Tính tình ngày càng hư, có khi không nhớ cả đường về. Lúc tỉnh táo hẳn vẫn khẳng khẳng rằng mình không bị bệnh, bảo mẹ đưa sổ khám bệnh để hẳn giấu đi kéo người ta biết thì không ai dám lấy. Tôi cất sổ khám chữa bệnh mà không hiểu sao hẳn tìm được, xé mất”, bà M kể.

Luật sư nên thu thập các tài liệu nào về nhân thân của H nếu nhận thấy sự chân thật trong lời kể của bà M và những dấu hiệu thần kinh không bình thường của H khi luật sư trực tiếp tiếp xúc?

Câu hỏi 3: Tại Cơ quan điều tra, H khai trước khi bị bắt 02 tháng, H còn chở V đi lấy tiền hàng ở tỉnh Q, nhưng V, C đều phủ nhận, Cơ quan điều tra không tìm được đối tượng ở tỉnh Q mà H khai ra. Trong hồ sơ chỉ có lời khai của một người làm chứng là chủ nhà nghỉ ở tỉnh Q, với trích xuất camera thể hiện H và V thuê phòng nghỉ khớp với lời khai của H về thời gian, địa điểm, trang phục của H và V. V giải thích hôm đó rảnh rỗi chỉ rủ H chở đến tỉnh Q

chơi lòng vòng rồi về tỉnh H. Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can Võ Văn H với tình tiết phạm tội nhiều lần.

Quan điểm của luật sư về việc áp dụng tình tiết này?

Câu hỏi 4: Các hoạt động lấy lời khai, hỏi cung Võ Văn H trước thời điểm có luật sư tham gia bào chữa cho H có được coi là nguồn chứng cứ không? Tại sao?

Câu hỏi 5: Trước những biểu hiện không bình thường của Võ Văn H, khi sắp hết hạn điều tra, Cơ quan điều tra đã trao đổi với Viện kiểm sát về việc trưng cầu giám định pháp y tâm thần. Tuy nhiên, Viện kiểm sát cho rằng không cần thiết vì đây chỉ là thủ đoạn trốn tránh án tử hình của bị can. H có 02 tiền án về Tội trộm cắp tài sản và Tội cướp giật tài sản. Do đó, H không thể bị tâm thần.

Luật sư có bình luận gì về quan điểm của Viện kiểm sát khi đánh giá tình trạng tâm thần của bị can? Luật sư nên xử lý như thế nào khi biết Cơ quan điều tra thực hiện theo ý kiến của Viện kiểm sát và đang soạn thảo bản kết luận điều tra đề nghị truy tố 03 bị can?

Chương 4

KỸ NĂNG THAM GIA MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA VÀ LÀM VIỆC VỚI NGƯỜI TIẾN HÀNH TỔ TỤNG

Việc tham dự các hoạt động điều tra giúp luật sư tiếp cận thông tin về vụ án và vai trò của thân chủ trong vụ án ngay từ giai đoạn điều tra, đồng thời, luật sư có thể giám sát, đề xuất kịp thời các quan điểm của mình với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bảo vệ một cách trực tiếp và hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của thân chủ. Trong thực tiễn, luật sư có thể không được tạo điều kiện tham dự các hoạt động điều tra, bị gây khó khăn trong quá trình trao đổi, đề xuất với người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, pháp luật ngày càng có những quy định bảo đảm đầy đủ hơn địa vị, vị thế của luật sư từ quá trình khởi tố, điều tra cho đến xét xử. Khi tham gia các hoạt động điều tra cũng như khi làm việc với người tiến hành tố tụng, luật sư cần có thái độ vừa mềm mỏng, tranh thủ sự tạo điều kiện của người tiến hành tố tụng, vừa kiên quyết đấu tranh để thực

hiện các quyền luật định để thực hiện tốt nhất vai trò tranh tụng của bản thân ngay từ trước khi vụ án được đưa ra xét xử.

Câu 1: Để tham dự hoạt động hỏi cung bị can đang bị tạm giam, luật sư cần thực hiện những thủ tục nào?

Trả lời:

Sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký bào chữa, luật sư cần gặp người tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án để trao đổi về sự liên hệ giữa hai bên và đề nghị họ báo trước hợp lý về thời gian, địa điểm hỏi cung và tạo các điều kiện khác để luật sư tham dự hỏi cung cũng như các hoạt động điều tra khác.

Nếu bị gây khó dễ, luật sư nên chủ động có văn bản chính thức (công văn của văn phòng, công ty luật) kịp thời đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng trách nhiệm thông báo cho người bào chữa quy định tại Điều 79 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Sau khi nhận được thông báo về thời gian, địa điểm hỏi cung, luật sư nên đến sớm hơn so với lịch hẹn để làm thủ tục tại nơi hỏi cung, đặc biệt nếu thân chủ đang bị tạm giam, luật sư còn phải xuất trình các giấy tờ để được vào cơ sở giam giữ.

Câu 2: Những vấn đề gì luật sư cần quan tâm tham dự hỏi cung bị can trong vụ án mà mình nhận bào chữa?

Trả lời:

Luật sư nên hệ thống lại các thông tin về vụ án, về vai trò của thân chủ trong vụ án để xác định các thông tin cần tiếp cận, các vấn đề mong muốn làm rõ khi tham dự hỏi cung bị can.

Luật sư nghe và ghi chép nội dung các câu hỏi và trả lời giữa người hỏi cung và bị can và ghi lại cả tâm lý thái độ của hai bên nếu thấy có những điểm bất thường như các dấu hiệu căng thẳng, lúng túng, lảng tránh v.v.. Luật sư nên gạch chân các thông tin mấu chốt, các thông tin mới so với hình dung ban đầu, đánh dấu những điểm cần hỏi ngay trong buổi hỏi cung (khi điều tra viên cho phép hỏi) hoặc những điểm cần tìm hiểu thêm từ thân chủ và các nguồn khác. Luật sư có thể đề nghị điều tra viên và thân chủ về việc thực hiện các quyền của bị can, đặc biệt quyền trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội.

Khi được hỏi, luật sư nên: (i) Đặt các câu hỏi để đặt lại vấn đề trong trường hợp người hỏi cung đã hỏi mà bị can do hiểu sai khi trả lời dẫn tới hậu quả bất lợi; (ii) Đặt câu hỏi để làm rõ các vấn đề khác mà người hỏi cung đã hỏi lửng lơ dẫn tới câu trả lời chưa hết ý, chưa toàn diện để dẫn

đến bất lợi cho thân chủ; (iii) Đặt câu hỏi để làm rõ các tình tiết gỡ tội, các vấn đề về nhân thân, về vai trò của thân chủ theo hướng có lợi cho thân chủ. Các câu hỏi nên ngắn gọn, súc tích, đúng trọng tâm.

Luật sư nên đọc và đối chiếu, so sánh biên bản hỏi cung và diễn biến buổi hỏi cung theo ghi chép của bản thân để có ý kiến nhanh và kịp thời.

Câu 3: Khi tham dự hoạt động lấy lời khai thân chủ là bị hại, luật sư cần thực hiện các hoạt động cụ thể nào?

Trả lời:

Luật sư nên hệ thống lại các thông tin về vụ án, về tình trạng thiệt hại và nguyện vọng của thân chủ để xác định các vấn đề cần tư vấn cho thân chủ khi cơ quan điều tra lấy lời khai trên nguyên tắc thân chủ trình bày trung thực, đầy đủ thông tin về vụ án mà mình biết cũng như các nguyện vọng về việc giải quyết vụ án.

Luật sư tư vấn thân chủ trả lời đúng mực, hợp lý trong các trường hợp thân chủ cũng có lỗi dẫn tới hành vi phạm tội của bị cáo.

Luật sư nghe và ghi chép nội dung các câu hỏi và trả lời giữa người lấy lời khai và bị hại..., đánh dấu những điểm cần hỏi, cần tìm hiểu thêm từ thân chủ và các nguồn khác.

Khi được hỏi, luật sư nên: (i) Đặt các câu hỏi để đặt lại vấn đề mà người lấy lời khai đã hỏi mà bị hại do hiểu sai

khi trả lời dẫn tới hậu quả bất lợi; (ii) Đặt câu hỏi để làm rõ các vấn đề khác mà người hỏi cung đã hỏi lúng dẫn tới câu trả lời chưa hết ý, chưa toàn diện bất lợi cho thân chủ; (iii) Đặt câu hỏi để làm rõ các tình tiết gỡ tội, các vấn đề về nhân thân, về vai trò của thân chủ theo hướng có lợi cho thân chủ.

Luật sư nên đề nghị người lấy lời khai dừng việc hỏi hoặc thay đổi câu hỏi, thái độ hỏi nếu thấy có sự mớm, ép cung từ phía người hỏi và thái độ mệt mỏi, khó hiểu, sợ hãi hoặc sự bức bối, căng thẳng từ phía bị hại.

Luật sư cũng nên đọc và đối chiếu, so sánh biên bản lấy lời khai và diễn biến buổi lấy lời khai theo ghi chép của bản thân để có ý kiến nhanh và kịp thời.

Câu 4: Những vấn đề gì luật sư cần quan tâm và thực hiện khi tham dự hỏi cung, lấy lời khai người dưới 18 tuổi?

Trả lời:

Trước hết, luật sư nên kiểm tra lại các thông tin được thông báo về buổi hỏi cung, lấy lời khai người dưới 18 tuổi, làm việc với người đại diện về việc cùng tham dự, các câu hỏi nên đặt ra với người dưới 18 tuổi, về vai trò động viên, chỗ dựa tinh thần cho người dưới 18 tuổi.

Luật sư cần nghe và yêu cầu có sự giải thích đủ, đúng về quyền và nghĩa vụ của người dưới 18 tuổi theo từng tư cách tố tụng của họ trong vụ án.

Luật sư đề nghị người hỏi phải có thái độ thân thiện, nhẹ nhàng, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi, giới tính, khả năng nhận thức, mức độ trưởng thành của thân chủ, đề nghị tạm dừng ngay khi họ có biểu hiện mệt mỏi ảnh hưởng đến khả năng khai báo chính xác, đầy đủ.

Cuối buổi hỏi, nếu thấy việc hỏi đã đầy đủ và có lợi cho việc bào chữa, bảo vệ, luật sư nên lưu ý người tiến hành tố tụng giảm đến mức thấp nhất số lần phải lấy lời khai cũng như xác định thời lượng các lần lấy lời khai đối với thân chủ.

Câu 5: Luật sư cần lưu ý những vấn đề gì khi tham dự hoạt động đối chất?

Trả lời:

Trước khi tham dự buổi đối chất, luật sư nên xác định những vấn đề mâu thuẫn trong vụ án, các hoạt động điều tra để làm rõ mâu thuẫn mà vẫn không giải quyết được, trên cơ sở đó điều tra viên cho rằng cần đối chất (luật sư cũng nên xác định những vấn đề mâu thuẫn trong vụ án có thể bất lợi cho thân chủ để chủ động yêu cầu tiến hành đối chất).

Luật sư nên ghi lại thành phần buổi đối chất, việc giải thích quyền và nghĩa vụ, về mối quan hệ giữa các bên.

Luật sư ghi chép các câu hỏi của điều tra viên để kiểm chứng những mâu thuẫn mà luật sư xác định trước buổi đối chất với những mâu thuẫn của vụ án mà điều tra viên

đặt câu hỏi để làm rõ và các chứng cứ, tài liệu, đồ vật điều tra viên đưa ra để đối chứng; ghi lại câu trả lời, câu hỏi đối chất chéo giữa các bên và thái độ của họ.

Luật sư lưu ý những vấn đề chưa được đối chất trọn vẹn để làm rõ hoặc các dấu hiệu tâm lý bất thường của các bên để đề nghị được làm rõ hoặc tự mình làm rõ sau buổi đối chất; lưu ý những điểm bất lợi đối với thân chủ được làm sáng tỏ sau buổi đối chất để có phương án bào chữa, bảo vệ phù hợp.

Câu 6: Luật sư cần lưu ý những vấn đề gì khi tham dự hoạt động thực nghiệm điều tra?

Trả lời:

Thứ nhất, luật sư nên xác định vấn đề gì cần được thực nghiệm điều tra dẫn tới việc cơ quan điều tra phải tổ chức thực nghiệm điều tra, những hoạt động thực nghiệm nào là những hoạt động mấu chốt của buổi thực nghiệm;

Thứ hai, luật sư nên đến sớm hơn so với lịch hẹn, mang theo các giấy tờ cần thiết để làm thủ tục tham dự, đối chiếu với quy định của pháp luật để kiểm tra thành phần tham dự, đánh giá việc dựng lại hiện trường, các điều kiện tự nhiên đã phù hợp hay không? Theo dõi việc điều tra viên phổ biến quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng và chủ trì buổi thực nghiệm;

Thứ ba, luật sư quan sát, ghi lại diễn biến buổi thực nghiệm để kiểm nghiệm về thời gian, về trật tự,

lôgic, về tương quan vị trí, động tác của hành vi phạm tội... để đối chiếu, so sánh với biên bản thực nghiệm, các tài liệu chứng cứ khác trong vụ án và kịp thời đề xuất điều tra viên có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình thực nghiệm nếu thấy có sự không phù hợp của các điều kiện thực nghiệm, điều tra viên có biểu hiện không khách quan hoặc thân chủ có biểu hiện sợ hãi hoặc các diễn biến tâm lý tiêu cực.

Câu 7: Luật sư cần chuẩn bị những luận cứ nào để đề xuất thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam?

Trả lời:

- Luật sư nên kiểm tra các điều kiện và dự liệu khả năng đề xuất thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam có thành công hay không, trao đổi trước với người có thẩm quyền để phần nào biết trước quan điểm của họ về vấn đề này, sau đó thông tin và tư vấn cụ thể hơn cho gia đình thân chủ.

- Các luận cứ để thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam được đề xuất để làm rõ việc tiếp tục áp dụng biện pháp tạm giam là không cần thiết như: thân chủ phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng nhưng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải... Thân chủ bị đau ốm cần được tại ngoại để điều trị, có người

nhà đau ốm cần được tại ngoại để chăm sóc, bị ràng buộc bởi quan hệ gia đình, công việc để không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội.

- Luật sư cần chuẩn bị các tài liệu làm căn cứ, làm minh chứng cho các luận cứ của mình.

- Nếu không thể hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, luật sư nên đề xuất thay thế bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm hoặc biện pháp bảo lãnh và tư vấn cho gia đình thân chủ chuẩn bị các điều kiện, các tài liệu cho việc đề xuất áp dụng hai biện pháp thay thế này.

Câu 8: Luật sư cần trao đổi với ai, nội dung, cách thức trao đổi như thế nào để đề xuất thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với thân chủ?

Trả lời:

- Nếu tham gia tố tụng từ trước khi khởi tố bị can, nếu có cơ sở, luật sư nên trao đổi với điều tra viên về tội danh và loại tội phạm của thân chủ theo quan điểm của luật sư. Nếu quyết định khởi tố bị can bất lợi đối với thân chủ, luật sư gặp kiểm sát viên trình bày các luận cứ, luận chứng để chứng minh cho quan điểm của mình để kiểm sát viên cân nhắc trong thời gian Viện kiểm sát nghiên cứu, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can.

- Nếu quyết định khởi tố bị can đã được ban hành, luật sư cần tiếp tục trao đổi, gửi đơn kiến nghị đề nghị xem xét, điều tra làm rõ để thay đổi tội danh, loại tội

phạm đã xác định trong quyết định khởi tố bị can khi kết thúc điều tra để phù hợp với sự thật khách quan của vụ án và có lợi cho thân chủ.

Câu 9: Luật sư cần trao đổi với ai, nội dung, cách thức trao đổi như thế nào để yêu cầu giám định, định giá tài sản?

Trả lời:

- Luật sư cần trao đổi với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng được phân công thụ lý vụ án (điều tra viên, kiểm sát viên) khi thấy có những vấn đề bắt buộc phải trưng cầu giám định theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, những vấn đề cần được định giá để xác định trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự nhưng chưa được cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện.

- Luật sư nên kết hợp vừa trao đổi trực tiếp (trao đổi miệng), vừa có văn bản đề nghị (giúp thân chủ viết đơn yêu cầu) và nộp cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Câu 10: Luật sư cần trao đổi với ai, nội dung, cách thức trao đổi như thế nào để đề nghị xét xử kín?

Trả lời:

- Luật sư cần trao đổi với thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa trước thời điểm quyết định đưa vụ án ra xét xử được ban hành;

- Luật sư đề xuất quan điểm của thân chủ và của bản thân luật sư về việc phiên tòa nên được xét xử kín và đưa

ra các cơ sở cho việc đề xuất: (i) Tính chất vụ án thuộc trường hợp có thể xét xử kín theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; (ii) Không cần thiết phải đưa ra xét xử lưu động để tuyên truyền giáo dục ý thức pháp luật; (iii) Việc xét xử lưu động chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, danh dự, tâm lý khai báo, khả năng tái hòa nhập cộng đồng của thân chủ.

Trên cơ sở các kỹ năng tham gia một số hoạt động điều tra và làm việc với người tiến hành tố tụng được giới thiệu ở phần trên, anh (chị) hãy áp dụng vào các tình huống cụ thể của vụ án dưới đây với việc trả lời các câu hỏi sau:

Anh Lô Ngọc A nhờ luật sư bào chữa cho chị gái đang bị điều tra về Tội mua bán người.

Anh Ngọc A cho biết chị mình là Lô Thị N, có chồng chết vì AIDS năm 2015. Sau khi chồng qua đời, N gửi con gái nhỏ cho vợ chồng em trai rồi sang Trung Quốc làm ăn. Tháng 01/2018, N về Việt Nam thăm con. Thấy N ăn mặc đẹp đẽ, đồ dùng đắt tiền nên Nguyễn Thị L và Lữ Thị M (trú cùng xã) nhờ N đưa sang Trung Quốc lấy chồng. L và M còn tự “ra giá” mỗi người phải được 60 triệu đồng. N trao đổi với một người phụ nữ tên H (hiện đang sinh sống ở Trung Quốc) về việc của M và L. Bà H đồng ý trả cho hai cô gái này mỗi người 60 triệu và nói N dẫn hai người ra Móng Cái (Quảng Ninh) để đưa sang Trung Quốc. H sẽ trả công cho N 40 triệu đồng.

N thông báo với L và M và hẹn thời gian xuất phát ra Móng Cái rồi qua đường tiểu ngạch sang Đông Hưng, Trung Quốc. H bán Nguyễn Thị L và Lữ Thị M cho hai người đàn ông Trung Quốc mua làm vợ với giá khoảng 210 triệu đồng/người. Tháng 4/2018, Nguyễn Thị L trốn được về Việt Nam và làm đơn tố cáo Lô Thị N, đồng thời yêu cầu N bồi thường 208 triệu đồng. Còn Lữ Thị M hiện đã lấy chồng và sinh sống ở Trung Quốc.

Sau khi bán Lữ Thị M và Nguyễn Thị L sang Trung Quốc thì N tiếp tục sang Trung Quốc sinh sống. Đến tháng 7/2018, Lô Thị N về Việt Nam vì con gái sức khỏe yếu. Biết L đã viết đơn tố cáo mình và được em trai vận động nên N đến cơ quan công an đầu thú, N bị tạm giữ sau đó bị tạm giam, đã bị tạm giam hơn 01 tháng.

Câu hỏi 1: Luật sư cần gặp ai, làm thủ tục gì để có thể được tham gia tố tụng và tham dự một số hoạt động điều tra trong vụ án?

Câu hỏi 2: Khi tham dự hỏi cung bị can, luật sư nhận thấy điều tra viên thường đặt các kiểu câu hỏi như: Bị can đã tiếp cận chị L như thế nào? Bị can đã thuyết phục chị M như thế nào? Bị can còn tiếp cận những phụ nữ nào khác trong xã để lôi kéo, dụ dỗ?... N chỉ trả lời không nhớ, không biết, không phải và tâm lý rất căng thẳng, sợ hãi.

Luật sư nên xử sự như thế nào? Nên đặt câu hỏi với bị can như thế nào khi được điều tra viên đồng ý cho luật sư đặt câu hỏi.

Câu hỏi 3: Chị M và bà H hiện đang cư trú tại Trung Quốc nhưng không biết địa chỉ cụ thể và có giấy tờ hợp pháp tại Trung Quốc hay chưa? Luật sư có nên đề xuất Cơ quan điều tra truy tìm 02 đối tượng trên hoặc yêu cầu công an Trung Quốc dẫn độ về nước để điều tra và có nên thể hiện quan điểm của luật sư chỉ khi chị M và bà H có mặt tại Cơ quan điều tra thì mới có thể giải quyết được vụ án này hay không?

Câu hỏi 4: Bản kết luận điều tra thể hiện N đã lợi dụng tâm lý thích ăn chơi mà lại muốn có nhiều tiền của L và M để rủ rê, lôi kéo L, M rồi bán hai nạn nhân; trong khi đó, N khai L, M tự đến đặt vấn đề nhờ N bán với giá 60 triệu. L vừa có lời khai bị N rủ rê, vừa có lời khai buồn chuyện bị bạn trai bỏ nên đã tìm đến N bán mình để bạn trai phải đau lòng, ân hận. Chị M và bà H không có lời khai nào trong vụ án. Trong vụ án không có người làm chứng nào biết được những tình tiết quan trọng.

Luật sư cần trao đổi với ai, về vấn đề gì để bào chữa hiệu quả nhất cho bị can N?

Câu hỏi 5: Anh Ngọc A cho biết con gái chị N cũng bị AIDS và đang ở giai đoạn cuối rất cần có sự chăm sóc của mẹ.

Luật sư có thể đề xuất thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với N không? Nếu không, tại sao? Nếu có, cần dựa trên các căn cứ nào?

Chương 5

KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU HỒ SƠ

Hồ sơ vụ án hình sự là tập hợp các tài liệu do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập theo quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng, được sắp xếp theo trình tự, thủ tục nhất định nhằm bảo đảm tính trình tự, đầy đủ, giúp cho việc giải quyết đúng đắn, khách quan vụ án hình sự. Theo khoản 2 Điều 131 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, hồ sơ vụ án gồm: “a) Lệnh, quyết định, yêu cầu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát; b) Các biên bản tố tụng do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát lập; c) Các chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án”.

Hồ sơ vụ án là một trong những đặc trưng của tố tụng hình sự thẩm vấn - hình thức tố tụng đặc biệt chú trọng hồ sơ vụ án với tính chất là nơi tập hợp chủ yếu các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, trên cơ sở đó, hoạt động xét xử tại phiên tòa chủ yếu dựa trên việc xem xét, đánh giá các chứng cứ trong hồ sơ vụ án để tuyên án. Việc nghiên cứu hồ sơ giúp luật sư có được tương đối đầy đủ, trọn vẹn và chính thống các thông tin về vụ án nói chung và về trường hợp phạm tội của thân chủ nói riêng,

từ đó có cơ sở xác định đúng hướng bào chữa, bảo vệ và kịp thời có các đề xuất để cơ quan tiến hành tố tụng thu thập, bổ sung chứng cứ tài liệu hoặc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn nhằm bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp cho thân chủ.

Câu 1: Luật sư nghiên cứu hồ sơ khi nào, tại đâu? Làm thế nào để tiếp cận hồ sơ vụ án?

Trả lời:

Luật sư chỉ được tiếp cận và nghiên cứu hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra, thực tế luật sư thường nghiên cứu hồ sơ trong giai đoạn truy tố, giai đoạn xét xử (chuẩn bị xét xử) tại trụ sở Viện kiểm sát, Tòa án.

Khi hồ sơ chuyển sang Viện kiểm sát/Tòa án, luật sư liên hệ với kiểm sát viên/kiểm tra viên, thẩm phán/thư ký Tòa án được phân công thụ lý vụ án đề nghị được nghiên cứu hồ sơ, hẹn ngày đến trụ sở Viện kiểm sát, Tòa án để đọc hồ sơ. Luật sư xuất trình Thẻ luật sư, Giấy đăng ký bào chữa/bảo vệ và đề nghị họ giao hồ sơ để đọc và sao chụp.

Câu 2: Những công việc nào luật sư cần làm ngay khi nhận hồ sơ vụ án?

Trả lời:

- Luật sư khi nhận hồ sơ vụ án cần cùng với người giao hồ sơ kiểm tra ngay các tài liệu trong hồ sơ với bảng kê các tài liệu có trong hồ sơ có đủ số lượng và có đúng trình tự theo

bút lục hay không, kiểm tra tình trạng các tài liệu trong hồ sơ có nguyên vẹn, đầy đủ hay không, lưu ý những tài liệu có nhiều tờ, trang có đủ không, có được đánh bút lục hay không? Những tài liệu bị xáo trộn, bị rách, bị thiếu yêu cầu người giao hồ sơ ghi vào biên bản giao nhận hồ sơ.

- Luật sư nên đề nghị được sao chụp nguyên vẹn hồ sơ (trừ trường hợp hồ sơ có dung lượng quá lớn, có quá nhiều bị can, bị cáo và người tham gia tố tụng trong vụ án rõ ràng không liên quan đến việc bào chữa) để có thể nghiên cứu hồ sơ (bản sao chụp) một cách chủ động, không bị khống chế thời gian và không phải đến trụ sở Viện kiểm sát/Tòa án. Tuy nhiên, cần lưu giữ hồ sơ đã sao chụp một cách cẩn thận, tránh bị thất tán hoặc bị sử dụng vào các mục đích mà pháp luật cấm.

- Những tài liệu luật sư cho rằng cần thiết, liên quan đến việc bào chữa nhưng bị từ chối không được sao chụp, luật sư cần phân tích, thuyết phục người tiến hành tố tụng tạo điều kiện để sao chụp hoặc chụp lại bằng máy ảnh hoặc điện thoại hoặc đọc, ghi chép lại những nội dung chính trong tài liệu, lưu ý ghi chép lại cả tên tài liệu, ngày tháng lập/thu thập, người lập/thu thập, số bút lục.

Câu 3: Luật sư nên nghiên cứu hồ sơ theo trình tự nào?

Trả lời:

Không có một quy định hay khuyến cáo nào đối với luật sư về trình tự nghiên cứu hồ sơ. Tuy nhiên, hồ sơ vụ

án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng sắp xếp theo một trình tự nhất định từ các tài liệu về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các tài liệu về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; biên bản hỏi cung bị can, các biên bản lấy lời khai, bản tự khai của người bị tố giác, báo tin, kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội; các biên bản lấy lời khai, các bản tự khai của bị hại, đương sự, người làm chứng; các biên bản, tài liệu về khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét, các tài liệu về hoạt động nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra về nhân thân bị can; các tài liệu về nhập, tách, chuyển vụ án.

- Khi kết thúc điều tra, trong hồ sơ vụ án có bản kết luận điều tra đề nghị truy tố, có thể có các tài liệu về đình chỉ/tạm đình chỉ điều tra đối với bị can.

- Khi hoàn tất truy tố, trong hồ sơ vụ án có thêm bản cáo trạng, có thể có các tài liệu về đình chỉ/tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, biên bản về một số hoạt động điều tra do Viện kiểm sát thực hiện để củng cố chứng cứ, quyết định yêu cầu điều tra bổ sung.

- Khi vụ án được đưa ra xét xử, trong hồ sơ vụ án có thêm bản cáo trạng, có thể có các tài liệu về đình chỉ/tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, biên bản về một số hoạt động điều tra do Viện kiểm sát thực hiện để củng cố chứng cứ, quyết định yêu cầu điều tra bổ sung... Khi vụ án được đưa ra xét xử, trong hồ sơ vụ án có thêm quyết định đưa vụ án

ra xét xử và một số tài liệu bổ sung tương tự như ở giai đoạn truy tố do Tòa án lập hoặc thu thập.

Để nhanh chóng và khái quát tiếp cận thông tin về vụ án và thông tin về người cần bào chữa, bảo vệ, luật sư nên đọc quyết định xử lý vụ án mới nhất được cập nhật theo thời điểm tố tụng tương ứng tiếp cận hồ sơ: Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố, bản cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử; sau đó đọc các tài liệu liên quan trực tiếp đến thân chủ như một số bản cung, lời khai, bản tự khai được thu thập mà không có mặt luật sư; kiểm tra các tài liệu, đồ vật mà phía thân chủ mình giao nộp được thể hiện như thế nào trong hồ sơ vụ án.

- Đối với những luật sư mới được mời tham gia bào chữa mà chưa nắm được nhiều thông tin về vụ án, sau khi đọc bản kết luận điều tra, cáo trạng, nên đọc lần lượt theo thứ tự các nhóm tài liệu trong hồ sơ vụ án để nắm được tiến trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập.

Câu 4: Cách ghi chép, ghi nhớ những thông tin quan trọng trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án?

Trả lời:

- Nếu nghiên cứu hồ sơ tại trụ sở cơ quan tiến hành tố tụng, luật sư nên sử dụng kỹ thuật tốc ký để ghi chép kết hợp với sao chụp tài liệu để nhanh chóng lưu lại các thông tin cần thiết. Luật sư nên vẽ sơ đồ tổng thể để nắm được đầy đủ diễn biến của vụ án, người tham gia tố tụng, mối

quan hệ (cùng lợi ích hoặc mâu thuẫn nhau) giữa những người tham gia tố tụng, các vấn đề luật sư chưa rõ, chưa hiểu trong lần đọc hồ sơ này.

- Khi được chủ động hơn về thời gian và không gian để nghiên cứu hồ sơ, luật sư có thể vẽ sơ đồ chi tiết hơn về trường hợp phạm tội của thân chủ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án kết hợp với các tài liệu, chứng cứ luật sư đã thu thập để xác định hướng tranh tụng (bào chữa, bảo vệ tại phiên tòa hoặc đề xuất các vấn đề cần làm rõ với cơ quan tiến hành tố tụng). Luật sư cần ghi chép một cách khái quát, đồng thời nên đối chiếu với lời khai trước đó để ghi lại điểm mâu thuẫn hoặc đối chiếu với quy định của pháp luật để xác định tính hợp lý của việc áp dụng pháp luật, tính trái pháp luật của hành vi...

Luật sư nên sử dụng hình ảnh, màu sắc, bút nhớ để tiện ghi chép và ghi nhớ các thông tin khi nghiên cứu hồ sơ, đồng thời lưu ý lưu trữ, bảo mật thông tin để tiện tra cứu cũng như bảo đảm bí mật điều tra, bí mật đời tư cho thân chủ.

Câu 5: Những vấn đề gì luật sư cần lưu ý khi đọc cáo trạng, kết luận điều tra?

Trả lời:

- Khi đọc cáo trạng, luật sư phải ghi nhớ luôn hành vi, tội danh và điều, khoản mà Viện kiểm sát truy tố, từ đó đánh giá các thông tin về vụ án được Viện kiểm sát viện dẫn làm cơ sở xác định tội trạng của bị can, các thông tin

cơ bản về nhân thân của bị can được Viện kiểm sát “chốt” lại trong cáo trạng.

- Khi đọc kết luận điều tra, cũng theo phương pháp như vậy, luật sư cần đánh giá giữa tội danh, điều, khoản, điểm của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 được Cơ quan điều tra áp dụng và các thông tin về vụ án được Cơ quan điều tra xác định làm lý do và căn cứ đề nghị truy tố.

- Luật sư cần so sánh giữa cáo trạng và Bản kết luận điều tra, có sự khác nhau giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra về tội trạng của bị can hay không, tại sao lại có sự khác nhau này, sự khác nhau này nằm ở những chứng cứ và quan điểm đánh giá chứng cứ nào khi hồ sơ vụ án được chuyển sang Viện kiểm sát để truy tố.

- Luật sư cũng nên tìm các điểm khác biệt giữa cáo trạng và Bản kết luận điều tra về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về vấn đề xử lý vật chứng, về những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án của Cơ quan điều tra có nhận được sự đồng thuận của Viện kiểm sát hay không. Những khác biệt này rất cần thiết đối với luật sư để có quan điểm, chiến thuật tranh tụng phù hợp.

Câu 6: Những vấn đề gì luật sư cần đọc và lưu ý khi đọc các tài liệu về khởi tố vụ án, khởi tố bị can?

Trả lời:

- Các tài liệu về khởi tố vụ án, khởi tố bị can thường bao gồm nhóm tài liệu về tiếp nhận, giải quyết tố giác,

tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và nhóm các tài liệu về thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

- Luật sư cần xác định được các vấn đề về cơ sở khởi tố (nguồn tin về tội phạm nào, xuất phát từ ai), căn cứ khởi tố (dấu hiệu của tội phạm nào được xác định để khởi tố, mức độ rõ rệt của dấu hiệu của tội phạm, sự phù hợp giữa dấu hiệu của tội phạm và điều khoản của Bộ luật Hình sự hiện hành được áp dụng để định tội danh), thời điểm tiếp nhận nguồn tin và thời điểm khởi tố vụ án, thời điểm khởi tố vụ án và thời điểm khởi tố bị can để xác định có quá thời hạn luật định không? Có xác định được người phạm tội ngay từ đầu hay không, án “mờ” hay án đã rõ đối tượng phạm tội, án có thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại hay không?

- Luật sư cần xác định được các vấn đề về những biện pháp kiểm tra xác minh nguồn tin và các biện pháp điều tra đã thực hiện để làm rõ dấu hiệu của tội phạm: do cơ quan nào thực hiện, có đúng hạn không, có đúng biện pháp được thực hiện trước khởi tố không?

- Nếu đọc hồ sơ vụ án, luật sư nhận thấy có những điểm bất thường trong quá trình khởi tố vụ án, khởi tố bị can (như có quyết định tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố (sau đó được phục hồi), quyết định gia hạn thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố, tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố, việc phải bổ sung, thay đổi, hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án; bổ sung, thay

đổi, hủy bỏ quyết định khởi tố bị can...) cần tìm hiểu tại sao lại xuất hiện điểm bất thường như trên, vấn đề nằm ở các sự kiện pháp lý phát sinh hay mâu thuẫn trong quan điểm đánh giá chứng cứ giữa cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát.

Câu 7: Cách đọc và các yêu cầu đối với việc đọc nhóm tài liệu về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế?

Trả lời:

- Luật sư cần lọc trong nhóm các tài liệu về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế trong hồ sơ vụ án ghi lại tiến trình áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đã và đang áp dụng đối với thân chủ (cơ quan nào áp dụng, ngày bắt đầu, ngày thay đổi, ngày kết thúc...) để kiểm tra tính hợp pháp về thẩm quyền, thời hạn, thủ tục áp dụng.

- Luật sư đọc các biên bản bắt người phạm tội quả tang, giữ người trong trường hợp khẩn cấp để xác định căn cứ bắt đối với thân chủ là gì, có phù hợp với tội danh sau này áp dụng hoặc căn cứ pháp lý áp dụng giữ người trong trường hợp khẩn cấp hay không. Luật sư đọc đề xuất gia hạn tạm giữ, đề xuất phê chuẩn tạm giam, bắt tạm giam để đánh giá căn cứ áp dụng và thời hạn áp dụng để nghiên cứu phương án đề xuất thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế nếu có thể.

- Với tư cách người bảo vệ, luật sư cũng cần nắm bắt tổng thể quá trình áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người đã xâm phạm đến thân chủ mình, tình trạng tại ngoại hay đang bị tạm giam của bị can để trao đổi với thân chủ có đề xuất phù hợp, nhất là trong trường hợp người bị hại có nguy cơ không an toàn do bị can không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn.

Câu 8: Những vấn đề gì luật sư cần lưu ý khi đọc biên bản hỏi cung bị can, các biên bản lấy lời khai, bản tự khai của người bị tố giác, báo tin, kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội?

Trả lời:

- Biên bản hỏi cung bị can, các biên bản lấy lời khai, bản tự khai của người bị tố giác, báo tin, kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội thường được sắp xếp theo trình tự thời gian và trình tự bị can trong vụ án theo vai trò từ chính đến phụ. Luật sư nên đọc kỹ các bản khai của thân chủ mình trước và nên đọc theo thứ tự từ đầu đến cuối, từ trước đến sau để nắm được mức độ khai báo, thái độ khai báo của thân chủ theo thời gian cũng như quá trình nhận thức về sự thật của vụ án, quá trình đấu tranh xét hỏi của điều tra viên. Luật sư nên so sánh các bản cung khai đầu tiên với các bản tổng cung, phúc cung khi kết thúc điều tra, truy tố cũng như các bản tự khai của bị can. Luật sư nên lưu ý bản cung đầu tiên điều tra viên có giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can hay không. Luật sư cũng

phải đọc các biên bản hỏi cung do Kiểm sát viên tiến hành để xác định kiểm sát viên đã làm rõ những vấn đề bị can kêu oan, khiếu nại (dẫn đến kiểm sát viên phải trực tiếp hỏi cung bị can) như thế nào trong quá trình hỏi cung cũng như trong các hoạt động mang dấu ấn của kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố.

- Luật sư lưu ý những lời khai mang tính mấu chốt, bước ngoặt của vụ án như lời khai nhận tội khi trước đó chối tội, lời khai chối tội khi trước đó nhận tội, lời khai mới dẫn tới mở rộng vụ án về số lượng hành vi và số lượng đối tượng phạm tội,... (ghi lại nội dung khai, ngày lập biên bản lấy lời khai, hỏi cung, số bút lục) để làm rõ tại sao lại có sự thay đổi này. Luật sư cũng lưu ý những lời khai của đồng phạm khác, của người làm chứng, bị hại và các chứng cứ khác mâu thuẫn với lời khai của thân chủ để gặp hỏi trực tiếp thân chủ hoặc đề xuất đối chất, đề xuất thực nghiệm điều tra...

- Với những biên bản hỏi cung, biên bản lấy lời khai có tẩy xóa, bổ sung, viết chèn hoặc gạch bớt cả về nội dung, ngày, tháng, luật sư cần chụp và ghi lại để làm rõ, yêu cầu được nghe bằng ghi âm, xem băng ghi hình có âm thanh để xác định có vi phạm tố tụng trong quá trình hỏi cung, lấy lời khai hay không.

- Với một số trường hợp đặc biệt như hỏi cung, lấy lời khai người bị buộc tội chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất, tâm thần... cần lưu ý có sự hiện diện của người đại diện, người bào chữa hay không, nếu không có,

các hoạt động điều tra này đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Câu 9: Cách đọc và những vấn đề gì cần lưu ý khi luật sư đọc các biên bản lấy lời khai, các bản tự khai của bị hại, đương sự, người làm chứng?

Trả lời:

- Nếu đọc các biên bản lấy lời khai, các bản tự khai của bị hại, đương sự, người làm chứng với tư cách người bảo vệ cho bị hại hay đương sự, luật sư nên đọc các lời khai của thân chủ mình trước để nắm đầy đủ thông tin về vị trí, vai trò của thân chủ trong diễn biến sự việc phạm tội, trong mối quan hệ với người phạm tội và những người tham gia tố tụng khác cũng như quan điểm của thân chủ về hành vi phạm tội của bị cáo và các yêu cầu đối với bị cáo mà thân chủ đã trình bày tại cơ quan tiến hành tố tụng.

- Tương tự như phương pháp đọc các lời khai của bị cáo, luật sư đọc và so sánh diễn biến lời khai để làm rõ tại sao lại có sự thay đổi trong lời khai của thân chủ, nếu có.

- Với tư cách bào chữa hay bảo vệ, luật sư cũng lưu ý những lời khai của các bị can, của người làm chứng, của các bị hại còn lại và các chứng cứ khác mâu thuẫn với lời khai của thân chủ để gặp hỏi trực tiếp thân chủ hoặc đề xuất đối chất, đề xuất thực nghiệm điều tra...

Với những biên bản lấy lời khai có tẩy xóa, bổ sung, viết chèn hoặc gạch bỏ cả về nội dung, ngày, tháng,

luật sư cần chụp và ghi lại để làm rõ, yêu cầu nghe băng ghi âm, xem băng ghi hình có âm thanh để xác định có vi phạm tố tụng trong quá trình hỏi cung, lấy lời khai hay không.

Câu 10: Phương pháp tiếp cận của luật sư khi đọc các tài liệu về giám định và định giá tài sản?

Trả lời:

- Các tài liệu về giám định thường bao gồm quyết định trưng cầu giám định, thông báo nhanh kết quả giám định, kết luận giám định. Khi đọc các tài liệu này, cần đánh giá nội dung trưng cầu giám định có phục vụ trực tiếp cho việc giải quyết vụ án hay không, đối tượng giám định có phù hợp hay không, các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định có được trưng cầu hay không, người được trưng cầu có đúng thẩm quyền hay không. Đối với kết luận giám định, cần so sánh với các thông tin trong quyết định trưng cầu giám định, thời gian ra kết luận giám định để kiểm tra tính hợp pháp của kết luận giám định.

- Khi đọc kết luận giám định, luật sư cần nhận định kết luận giám định đã rõ chưa, đã đầy đủ chưa, thậm chí đã chính xác chưa bằng các tri thức, kinh nghiệm của bản thân, bằng việc tìm hiểu thông tin qua sách báo, bằng việc đối sánh với bảng quy chuẩn tỷ lệ thương tật hoặc các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật, bằng việc tham khảo ý kiến chuyên gia. Có thể những nguồn thông tin này chưa đủ để

đánh giá về kết luận giám định nhưng là cơ sở quan trọng để giúp luật sư hình thành nhận định của mình về kết luận giám định, tư vấn cho thân chủ đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại, đề xuất cho thân chủ là đương sự trong vụ án yêu cầu giám định.

- Luật sư cũng nên có những lưu ý tương tự khi đọc tài liệu về hoạt động định giá tài sản.

Câu 11: Những thông tin luật sư cần nắm bắt khi đọc các biên bản, tài liệu về khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra?

Trả lời:

- Đọc biên bản về các hoạt động này, luật sư kiểm tra những thông tin mang tính thủ tục như thời gian, địa điểm thực hiện, chủ thể, thành phần tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể có bảo đảm đúng quy định của pháp luật hay không như khám nghiệm tử thi phải do giám định viên pháp y tiến hành dưới sự chủ trì của điều tra viên, phải có sự kiểm sát của kiểm sát viên, khi khám nghiệm hiện trường phải có người chứng kiến, việc xem xét dấu vết trên thân thể phải do người cùng giới tiến hành...

- Khi đọc tài liệu về khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, cần so sánh, đánh giá tổng thể biên bản

khám nghiệm, bản ảnh, sơ đồ hiện trường để nhận biết trung tâm hiện trường, khu vực chính phát hiện, thu giữ các dấu vết, vật chứng, sự phù hợp giữa các dấu vết tại hiện trường trong bản ảnh, sơ đồ và trong phản ánh của điều tra viên trong biên bản khám nghiệm, ý kiến đồng ý, không đồng ý của những người có mặt khi ký vào biên bản khám nghiệm. Cần xem kỹ bản ảnh hiện trường với việc chụp đúng quy chuẩn, có thước tỷ lệ cạnh vật chứng để đối sánh với thông tin về vật chứng trong biên bản thu giữ, trong lời khai của người có liên quan.

- Khi đọc biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, nên đọc kỹ phần mô tả dấu vết và bản ảnh kèm theo (nếu có) xem vết thương có đặc điểm như thế nào về loại (vết bầm tím, vết rách, vết thương hở...), vị trí trên cơ thể, bờ mép, thành đáy vết thương... để có suy luận chủ quan của luật sư về nguyên nhân gây thương tích, vật gây thương tích, cơ chế gây thương tích, thời gian gây thương tích để so sánh với các tài liệu khác trong vụ án về thương tích (bệnh án, tài liệu về pháp y, lời khai của những người liên quan...).

- Khi đọc tài liệu về hoạt động thực nghiệm điều tra, cần trả lời được câu hỏi tình tiết, tài liệu nào có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án nhưng còn chưa rõ, còn có mâu thuẫn dẫn tới phải thực nghiệm điều tra, các hoạt động thực nghiệm đã làm rõ được chưa? Các hoạt động chuẩn bị (chủ quan) và các điều kiện khách quan đã phù hợp để có sự tương đồng hợp lý về bối cảnh, công cụ,

phương tiện thực nghiệm với bối cảnh, công cụ, phương tiện thực tế diễn ra hành vi, sự kiện cần thực nghiệm hay chưa để đánh giá tính chính xác của kết quả thực nghiệm. Nếu thấy Viện kiểm sát thực nghiệm điều tra, luật sư cũng cần đọc biên bản thực nghiệm và các hồ sơ trong vụ án để xác định tại sao Viện kiểm sát phải trực tiếp thực nghiệm, hoạt động thực nghiệm có vượt ra ngoài phạm vi của Viện kiểm sát không, có cần trả hồ sơ để Cơ quan điều tra thực nghiệm không?

Câu 12: Những vấn đề gì cần lưu ý khi đọc các tài liệu về nhân thân bị can?

Trả lời:

- Thông tin bị can có trong lý lịch cá nhân, lý lịch bị can, quyết định khởi tố bị can, kết luận điều tra, bản cáo trạng, luật sư cần đọc các thông tin này để chuẩn bị cho việc bào chữa cũng như xác định các tình tiết về nhân thân bị can có ý nghĩa giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng án treo, đề xuất miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc có ý nghĩa trong việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn... đã được thu thập hay chưa để luật sư chủ động thu thập hoặc đề xuất cơ quan tiến hành tố tụng thu thập.

- Nếu bảo vệ cho bị hại, luật sư cũng nên quan tâm tới các thông tin về nhân thân của bị can để chủ động tư vấn cho bị hại, xây dựng luận cứ bảo vệ cho bị hại về các vấn đề tội trạng và vấn đề bồi thường của bị can đối với bị hại.

Câu 13: Luật sư nên quan tâm đến những vấn đề gì khi đọc các quyết định nhập, tách, chuyển vụ án, trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, đình chỉ/tạm đình chỉ điều tra/vụ án, đình chỉ/tạm đình chỉ điều tra/vụ án đối với bị can?

Trả lời:

- Khi đọc các quyết định nhập, tách, chuyển vụ án, trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, đình chỉ/tạm đình chỉ điều tra/vụ án, đình chỉ/tạm đình chỉ điều tra/vụ án đối với bị can, luật sư nên quan tâm đến: (i) Các căn cứ dẫn tới việc cơ quan tiến hành tố tụng phải ra các quyết định tố tụng nêu trên; (ii) Các quyết định tố tụng nêu trên có lợi hay bất lợi đối với thân chủ và hoạt động bào chữa, bảo vệ của luật sư trên các phương diện khác nhau để luật sư cân nhắc có thể hoặc có cần thiết đề xuất/khiếu nại cơ quan tiến hành tố tụng thay đổi hay không?

- Khi đọc quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung, luật sư nên rà soát lại căn cứ trả hồ sơ vụ án nêu trong quyết định với các thông tin khác về vụ án. Nếu bào chữa cho bị can, các căn cứ thiếu chứng cứ làm rõ đối tượng chứng minh bắt buộc và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thường có lợi cho việc bào chữa, luật sư đối chiếu để xem Cơ quan điều tra có bổ sung được hay không bổ sung được, Cơ quan điều tra có mâu thuẫn về quan điểm với Viện kiểm sát hay không để phục vụ cho ý kiến tranh tụng, đề xuất sắp tới của luật sư. Nếu Viện kiểm sát

trả hồ sơ do có căn cứ khởi tố bị can về một hay nhiều tội phạm khác, cần xem các tài liệu làm rõ căn cứ nghi ngờ, điều tra thân chủ trong trường hợp này để đánh giá tiến trình truy cứu trách nhiệm hình sự và có cách tiếp cận phù hợp của người bào chữa.

- Là luật sư bảo vệ cho bị hại, khi đọc các tài liệu về đình chỉ/tạm đình chỉ điều tra/vụ án, đình chỉ/tạm đình chỉ điều tra/vụ án đối với bị can, cũng cần quan tâm tới hai vấn đề như đã nêu để kịp thời tư vấn cho bị hại có các khiếu nại, đề xuất phục hồi vụ án khi cần thiết, nhất là khi thấy việc tạm đình chỉ do bị can mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo không thuyết phục; đề xuất bảo vệ bị hại nếu bị can trốn, được tạm đình chỉ nhưng bị hại đang có dấu hiệu bị đe dọa, bị can được đình chỉ do miễn trách nhiệm hình sự một cách khiên cưỡng...

Trên cơ sở các kỹ năng nghiên cứu hồ sơ được giới thiệu ở phần trên, anh (chị) hãy áp dụng vào các tình huống cụ thể của vụ án dưới đây với việc trả lời các câu hỏi sau:

Anh Nguyễn Văn T là con của nạn nhân Nguyễn Văn N đã tìm đến luật sư nhờ bảo vệ. Anh T kể lại nội dung sự việc như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 26/8/2018, không thấy ông Nguyễn Văn N về, gia đình và người thân chia nhau đi tìm. Anh T đến địa điểm câu cá quen thuộc tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B tìm bố nhưng không thấy bố đâu, chỉ thấy cần câu và các đồ dùng cá nhân của ông N, còn chiếc xe máy thì biến mất.

Linh tính có chuyện không hay xảy ra với bố mình, anh T đã nhảy xuống hồ nước mò tìm thì thấy thi thể bố mình.

Sau khi vụ việc xảy ra, Công an tỉnh B đã xuống ngay hiện trường thu thập chứng cứ, khám nghiệm hiện trường, đưa bố anh về Bệnh viện đa khoa huyện Y để khám nghiệm tử thi.

Sau đó, anh được Cơ quan điều tra báo là đã bắt được đối tượng giết bố anh là Nguyễn Văn L, 16 tuổi. Nguyễn Văn L khai nhận, vào khoảng 16 giờ ngày 26/8/2018, khi đi qua hồ câu, L nhìn thấy ông Nguyễn Văn N ngồi câu cá một mình nên nảy sinh ý định cướp tài sản để tiêu xài với bạn bè. Sau khi nạn nhân chống cự, L đã đẩy và dìm nạn nhân xuống nước, cướp chiếc xe máy của ông N. Hiện trường khu vực chiếc xe bị mất, có 01 chiếc khóa chữ U, gạch đá dùng để đập khóa còng và 01 chiếc áo lạ.

Cơ quan điều tra cũng báo với anh T là họ đã kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát tỉnh B để truy tố.

Luật sư đã nhận lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với anh T.

Câu hỏi 1: Với vụ án này, luật sư có thể nghiên cứu hồ sơ tại đâu, thực hiện các thủ tục gì để được nghiên cứu hồ sơ vụ án?

Câu hỏi 2: Khi nghiên cứu hồ sơ, luật sư cần lưu ý những thông tin gì trong các tài liệu về hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể?

Câu hỏi 3: Anh T có trình bày với luật sư rằng bố anh luôn đeo một sợi dây chuyền vàng ba chỉ, khi anh T vớt được bố, anh không để ý còn hay không còn sợi dây chuyền này. Cơ quan điều tra cũng hứa sẽ làm rõ vấn đề sợi dây chuyền nhưng đến nay anh T vẫn chưa được nhận lại tài sản.

Luật sư cần quan tâm đến những tài liệu nào trong hồ sơ phản ánh về sự tồn tại và giá trị của vật chứng này trong hồ sơ vụ án?

Câu hỏi 4: Khi đọc hồ sơ, luật sư nhận thấy nhiều hoạt động điều tra như lấy lời khai, hỏi cung bị can do kiểm sát viên trực tiếp thực hiện.

Luật sư có cần thiết đọc biên bản các hoạt động điều tra nêu trên không? Tại sao?

Câu hỏi 5: Trong số các tài liệu mà luật sư bào chữa của bị can giao cho Cơ quan điều tra có biên bản lấy lời khai người làm chứng giữa luật sư với ông C và D là những người được cho là biết về thời điểm sinh của bị can L để chứng minh L chưa đủ 16 tuổi tại thời điểm gây án.

Những tài liệu này có phải là biên bản lấy lời khai người làm chứng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hay không? Tại sao?

Chương 6

KỸ NĂNG SOẠN THẢO BẢN BÀO CHỮA, BẢN BẢO VỆ

Việc soạn thảo bản bào chữa, bản bảo vệ dù không phải là bắt buộc nhưng hữu ích đối với hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa, giúp luật sư chủ động hơn, hiệu quả hơn trong phân tranh luận, thể hiện ở các phương diện: (i) Chuẩn bị bản luận cứ bào chữa sẽ giúp người thực hiện trợ giúp pháp lý trình bày lời bào chữa, bảo vệ đủ ý, không thiếu, không thừa. Nếu không có sự chuẩn bị, khi tranh tụng tại tòa, do tác động của nhiều yếu tố khác nhau, không ít người bào chữa trình bày bị lặp ý, trùng ý và/hoặc quên mất những luận điểm khác, quên mất những chỗ có thể “ghi điểm” cho thân chủ. Việc chuẩn bị trước bản luận cứ bào chữa sẽ giúp luật sư biết nhấn, biết lướt ở điểm nào, nhận được sự đồng cảm của Hội đồng xét xử ở điểm nào, tranh luận đến cùng với Viện kiểm sát ở điểm nào; (ii) Về mặt tâm lý, do có sự chuẩn bị trước, luật sư sẽ rất yên tâm khi biết mình sẽ nói cái gì, nói như thế nào, chủ động phòng tránh những thời điểm mất bình tĩnh dẫn tới nói không thoát ý, nói lấp, nói hớ... Đối với

mỗi luật sư tranh tụng, nội dung bào chữa không chỉ là phát ngôn chính thức về việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo mà bản luận cứ bào chữa còn thể hiện kiến thức pháp luật, kiến thức xã hội, khả năng tranh biện, bản lĩnh nghề nghiệp và văn hóa ứng xử của luật sư. Vì vậy, nên nghiêm túc trong việc chuẩn bị cho phiên tòa nói chung và trong việc soạn thảo bản bào chữa, bản bảo vệ nói riêng.

Câu 1: Thời điểm nào luật sư nên chuẩn bị soạn thảo bản luận cứ bào chữa, bảo vệ?

Trả lời:

Luật sư nên cân nhắc về hướng bào chữa, bảo vệ phù hợp ngay từ khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thu thập các chứng cứ phục vụ việc bào chữa, bảo vệ. Để củng cố hướng bào chữa, bảo vệ, luật sư nên trao đổi, bàn bạc với luật sư đồng nghiệp (nếu có) và thân chủ cũng như đại diện gia đình họ.

Luật sư nên chuẩn bị soạn thảo bản luận cứ bào chữa, bảo vệ trước thời điểm mở phiên tòa nhưng không nên để ngay sát thời điểm mở phiên tòa để còn có thời gian suy nghĩ, thay đổi, bổ sung nội dung bào chữa, bảo vệ nhưng cũng không nên quá cầu toàn hoặc không nên cho rằng bản luận cứ bào chữa, bảo vệ đã hoàn thiện mà không cần thay đổi, bổ sung. Bản luận cứ bào chữa, bảo vệ trước thời điểm mở phiên tòa chỉ với tính chất dự thảo do còn cần được cập nhật các diễn biến phát sinh tại phiên tòa.

Câu 2: Các công việc mang tính kỹ thuật cần thực hiện cho việc soạn thảo bản luận cứ bào chữa, bảo vệ?

Trả lời:

Với định hướng bào chữa, bảo vệ đã xác định, để luật sư chuẩn bị cho việc soạn thảo bản luận cứ bào chữa, bảo vệ, các công việc mang tính kỹ thuật sau cần được thực hiện: (i) Đọc lại hồ sơ vụ án với những điểm đã lưu ý, đã đánh dấu trong quá trình nghiên cứu hồ sơ; (ii) Đọc và đánh dấu các văn bản quy phạm pháp luật, các án lệ cần viện dẫn, trích dẫn; (iii) Tập hợp các tình tiết, chứng cứ có lợi cho việc bào chữa đã thu thập trong quá trình tố tụng trước đó; (iv) Lên dàn ý triển khai bản luận cứ bào chữa, bảo vệ với các ghi chú về những luận điểm cần chú trọng, những luận chứng cần bổ sung, những tình tiết cần trao đổi với thân chủ trước phiên tòa và những vấn đề cần đặt câu hỏi trong đề cương hỏi của luật sư tại phiên tòa đối với thân chủ và những người tham gia tố tụng khác.

Câu 3: Việc bào chữa cho bị cáo có thể theo các hướng nào?

Trả lời:

Việc bào chữa cho bị cáo có thể theo một trong các hướng đa dạng sau tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể:

- Bào chữa theo hướng không phạm tội.
- Bào chữa theo hướng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bao gồm các định hướng bào chữa cụ thể hơn

như: phạm tội nhẹ hơn tội Viện kiểm sát truy tố; chuyển sang khung hình phạt nhẹ hơn trong cùng một điều luật bị Viện kiểm sát truy tố; đề xuất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát, phía bị hại đề xuất hoặc có thể đề xuất, đề xuất cho thân chủ được hưởng án treo; đề xuất cho thân chủ được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt; đề xuất đánh giá đúng vị trí, vai trò của bị cáo trong vụ án, đánh giá đúng mức nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội theo hướng nhẹ hơn. Khi bào chữa theo hướng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có thể kết hợp nhiều phương thức: vừa bào chữa đề xuất chuyển tội danh, vừa đề xuất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; vừa đề xuất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, vừa có thể đề xuất cho bị cáo được hưởng án treo...

- Bào chữa theo hướng cần trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Câu 4: Việc bào chữa cho bị cáo theo hướng không phạm tội nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?

Trả lời:

Việc bào chữa cho bị cáo theo hướng không phạm tội nên được thực hiện trên cơ sở quan điểm pháp lý của luật sư về căn cứ cho rằng thân chủ mình không phạm tội:

- Thân chủ không phải là người thực hiện hành vi phạm tội;

- Thân chủ là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng hành vi này không phải là tội phạm do thuộc các trường hợp luật định loại trừ trách nhiệm hình sự (sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng, không có năng lực trách nhiệm hình sự, tình thế cấp thiết, rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm...);

- Thân chủ là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng hành vi này không phải là tội phạm do tính chất nguy hiểm cho xã hội chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự;

- Thân chủ chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm bị truy tố;

- Không đủ chứng cứ buộc tội.

Về cách triển khai: Luật sư nêu lại quan điểm truy tố của Viện kiểm sát, các căn cứ dựa vào đó hình thành nên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát, phản bác quan điểm truy tố này bằng việc đưa ra các luận cứ, luận chứng bác bỏ (chứng cứ chứng minh); sau đó chốt lại luận điểm bào chữa và đề xuất tuyên không phạm tội trên cơ sở các chứng cứ chứng minh và các điều khoản tương ứng của Bộ luật Hình sự quy định về các tình tiết này để khẳng định bị cáo không phạm tội và đề xuất Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

Câu 5: Việc bào chữa cho bị cáo theo hướng phạm tội nhẹ hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?

Trả lời:

- Để bào chữa thân chủ phạm tội nhẹ hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố, luật sư cần tập trung vào các dấu hiệu định tội của tội danh bị truy tố và tội danh nhẹ hơn mà luật sư cho rằng có thể áp dụng đối với hành vi của bị cáo. Chẳng hạn: Thực tế, thường dễ nhầm lẫn trong việc định Tội giết người (chưa đạt) với cố ý gây thương tích; giữa giết người với cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người; giữa giết người với giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; giữa giết người với giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; giữa hiếp dâm với cưỡng dâm; giữa cướp tài sản với cưỡng đoạt tài sản... Do vậy, luật sư nên chứng minh hành vi mà bị cáo thực hiện có những dấu hiệu có thể được xem là dấu hiệu định tội của tội nhẹ hơn.

- Những dấu hiệu định tội để chuyển sang tội nhẹ hơn cần được chỉ ra và chứng minh bằng các luận cứ, luận chứng trong bản bào chữa. Ví dụ, để chứng minh hành vi tước đoạt tính mạng nạn nhân mà thân chủ đã thực hiện chỉ cấu thành Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà không phải là Tội giết người, cần làm rõ các luận cứ: (i) Hành vi mà bị hại thực hiện trước đó với bị cáo là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng (luận cứ này được tiếp tục làm rõ qua các luận chứng như: bị hại đã gây thương

tích cho bị cáo với chứng cứ là tỷ lệ thương tật là...% theo kết luận giám định trong hồ sơ vụ án, bị hại đã vu khống, tung tin đồn thất thiệt ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự của bị cáo qua các đơn, thư, ảnh ghép Cơ quan điều tra đã thu thập được...); (ii) Bị cáo đã rơi vào trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của bị hại (luận cứ này được tiếp tục làm rõ qua các luận chứng về tình trạng tinh thần của bị cáo, bị cáo không còn tự chủ, kiểm soát được hành vi của bản thân, không cân nhắc được hậu quả của hành vi khi thực hiện việc trả thù bị hại qua lời khai của những người làm chứng...).

- Như vậy, việc triển khai nội dung bào chữa nên đi từ luận điểm đến luận cứ, luận chứng cụ thể và các chứng cứ để chứng minh. Kết thúc bản bào chữa, luật sư khẳng định với các tình tiết trong vụ án như vậy, đối chiếu với quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì thỏa mãn cấu thành tội phạm của tội nhẹ hơn và cần chuyển sang tội nhẹ hơn với trường hợp phạm tội của thân chủ.

Câu 6: Việc bào chữa cho bị cáo theo hướng chuyển sang khung hình phạt nhẹ hơn trong cùng một điều luật bị Viện kiểm sát truy tố nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?

Trả lời:

- Để bào chữa thân chủ phạm tội nhẹ hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố, luật sư cần tập trung vào các dấu

hiệu định khung của cấu thành tội phạm tăng nặng trong điều luật bị Viện kiểm sát truy tố và tội danh nhẹ hơn mà luật sư cho rằng có thể áp dụng đối với hành vi của bị cáo. Luật sư cần phải chứng minh trường hợp phạm tội của bị cáo không thỏa mãn tình tiết định khung mà Viện kiểm sát truy tố. Ví dụ, luật sư chứng minh Viện kiểm sát áp dụng *điểm a khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015*, sửa đổi, bổ sung năm 2017 truy tố bị can về Tội cướp giật tài sản với tình tiết “phạm tội có tổ chức” là không phù hợp do trường hợp đồng phạm này trong vụ án chỉ là đồng phạm mà chưa đến mức “có tổ chức”. Luật sư chứng minh Viện kiểm sát áp dụng *điểm e khoản 3 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015*, sửa đổi, bổ sung năm 2017 truy tố bị can về Tội mua bán người dưới 16 tuổi với tình tiết “đối với 06 người trở lên” là không thuyết phục do 01 trong số 06 nạn nhân có lời khai khẳng định mình hoàn toàn tự nguyện, muốn được có điều kiện sống tốt hơn, không bị bị cáo và đồng bọn ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ, lời khai của nạn nhân phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người làm chứng khác trong vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo mua bán người với 05 trường hợp còn lại. Do đó, chỉ có thể truy tố bị cáo theo khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nếu không còn tình tiết nào khác của khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Cách triển khai luận điểm bào chữa theo hướng này tương tự cách triển khai nêu tại câu 7 của Chương này.

Câu 7: Việc đề xuất cho bị cáo được hưởng án treo nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?

Trả lời:

- Luật sư cần xác định trường hợp phạm tội của bị cáo có khả năng được xử phạt tù không quá 03 năm, bị cáo có nhân thân tương đối tốt và có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên mới tính đến phương án đề xuất cho bị cáo được hưởng án treo. Bản bào chữa tập trung vào: (i) Luận cứ bị cáo có nhân thân tốt với các luận chứng chứng minh như không có tiền án tiền sự, có quá trình học tập tốt, trong công tác có nhiều cống hiến, nhiều thành tích; (ii) Luận cứ bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhất là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 với các luận chứng và chứng cứ chứng minh; (iii) Bị cáo không thuộc các trường hợp mà đường lối áp dụng pháp luật không cho hưởng án treo như đối tượng ngoan cố chống đối, người chủ mưu cầm đầu chỉ huy, bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội.

- Sau khi đưa ra các luận điểm, viện dẫn chứng cứ chứng minh, luật sư cũng nên phân tích ý nghĩa của việc được hưởng án treo đối với bị cáo và gia đình họ, đối với quá trình tu dưỡng của bị cáo khi được hưởng sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, sự quan tâm giáo dục,

giúp đỡ của chính quyền địa phương và người thân để Hội đồng xét xử cân nhắc, quyết định.

Câu 8: Việc bào chữa cho bị cáo theo hướng đề xuất Tòa án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?

Trả lời:

Trước hết, việc bào chữa cho bị cáo theo hướng đề xuất Tòa án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung trong bản bào chữa nên được cân nhắc về hiệu quả của đề xuất này đối với thân chủ nếu được chấp nhận cũng như các hệ quả về việc vụ án kéo dài, thân chủ cũng có thể bị tạm giam lâu hơn, các chi phí tốn kém hơn. Nếu thực sự cần thiết trả hồ sơ để điều tra bổ sung, luật sư nêu rõ cần trả hồ sơ theo căn cứ nào trong các căn cứ do Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: thiếu chứng cứ quan trọng để gỡ tội chưa được thu thập, làm rõ; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn tới quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo bị xâm phạm. Sau đó, luật sư nêu các luận cứ, luận chứng để chứng minh luận điểm này của mình.

Câu 9: Việc bảo vệ cho bị hại theo hướng đề xuất tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?

Trả lời:

Bào chữa theo hướng đề xuất tăng nặng trách nhiệm hình sự, bao gồm các định hướng bào chữa cụ thể hơn như:

phạm tội nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, do vậy cần trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố về tội nặng hơn; chuyển sang khung hình phạt nặng hơn trong cùng một điều luật bị Viện kiểm sát truy tố có tình tiết định khung ở khung nặng hơn; đề xuất áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Viện kiểm sát chưa đề xuất áp dụng, không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát, phía bị cáo đề xuất hoặc có thể đề xuất do không đủ căn cứ; phản bác đề xuất cho bị cáo được hưởng án treo do không đủ điều kiện; phản bác đề xuất từ phía bị cáo cho bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt do không thỏa mãn các căn cứ được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề xuất đánh giá đúng vị trí, vai trò của bị cáo trong vụ án, đánh giá đúng mức nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội theo hướng nặng hơn...

Câu 10: Việc bảo vệ cho bị hại theo hướng đề xuất yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên được thực hiện như thế nào trong bản bảo vệ?

Trả lời:

- Luật sư nên xác định và nêu cụ thể các loại thiệt hại theo quan điểm của luật sư mà người bị hại cần được bồi thường do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra như thiệt hại do tài sản bị xâm hại, do tính mạng bị xâm hại,

do sức khỏe bị xâm hại, do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại. Với mỗi loại thiệt hại, luật sư cũng cần cụ thể hóa các khoản bồi thường theo quy định của pháp luật (ví dụ với thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm thì các khoản bồi thường bao gồm chi phí cho việc cứu chữa, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại, của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị)... so sánh với quan điểm của Viện kiểm sát và bị cáo, người bào chữa cho bị cáo khi phát biểu về vấn đề bồi thường để không bị hụt về số lượng loại bồi thường, khoản bồi thường.

- Sau đó, luật sư cung cấp các số liệu về mức bồi thường cho từng khoản, loại với các biên lai chứng từ cụ thể và các lập luận cụ thể để chứng minh tính thực tế và tính hợp lý của các con số. Để Hội đồng xét xử và các bên dễ nắm bắt, nên có một bảng kê cụ thể kèm theo bản bảo vệ và sao gửi trước cho họ. Luật sư cần có các luận cứ cụ thể về thiệt hại và mức độ thiệt hại để khẳng định đây là các thiệt hại thực tế và về nguyên tắc phải được bồi thường toàn bộ.

- Khi đề xuất mức bồi thường, luật sư cũng nên bàn bạc với thân chủ để đưa vào bản bảo vệ một mức bồi thường hợp lý với khả năng kinh tế của bị cáo, gia đình bị cáo, đặc biệt trong trường hợp bị cáo có lỗi vô ý hoặc bản thân bị hại cũng có một phần lỗi. Tuy nhiên, nếu bị hại không có lỗi nhưng đại diện Viện kiểm sát và phía bị cáo cho rằng bị hại có lỗi thì trong bản bảo vệ, luật sư cũng

phải đưa ra các luận chứng, luận cứ phản bác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

- Bản bảo vệ cũng yêu cầu Tòa án phải xác định rõ trách nhiệm bồi thường cho bị hại trong trường hợp bị hại bị người dưới 18 tuổi phạm tội, bị nhiều người cùng gây thiệt hại để việc thi hành án sau này được thuận lợi.

- Khi chuẩn bị các tình huống dự kiến, luật sư cần tự đặt mình vào vị trí của Hội đồng xét xử, của kiểm sát viên, của luật sư phía bên kia, và tự đặt câu hỏi, nếu là họ, mình sẽ sử dụng các chứng cứ gì để gây bất lợi cho thân chủ mình, từ đó tự chuẩn bị phương án hóa giải các tình huống đó. Luật sư còn cần dự kiến các tình huống tố tụng có thể phát sinh tại phiên tòa, như sự vắng mặt của các nhân chứng, người liên quan... để đưa ra các đề xuất hợp lý, có lợi cho thân chủ.

Câu 11: Một bản bào chữa, bảo vệ nên được triển khai theo bố cục như thế nào?

Trả lời:

- Không có quy định về bố cục và hình thức của bản bào chữa, bảo vệ, luật sư có thể sắp xếp các luận điểm, luận cứ theo trình tự mình cho rằng hợp lý, có thể đọc văn bản chuẩn bị sẵn và cũng có thể hùng biện không sử dụng văn bản tùy theo khả năng và sở trường của mỗi người. Tuy nhiên, một bản bào chữa, bảo vệ nên được sắp xếp theo một trật tự logic để thuận tiện cho việc triển

khai ý và người nghe dễ nắm bắt (kiểm sát viên nắm bắt để đối đáp, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án nắm bắt để ghi lại vào biên bản phiên tòa, bản án và để điều hành việc tranh luận).

- Nên có phần mở đầu và phần kết thúc cho mỗi bản bào chữa, bảo vệ. Ý nghĩa và cách viết các phần này được làm rõ tại các câu số 13, 14 của Chương này.

- Phần nội dung chính của bản bào chữa, bảo vệ là tập hợp các luận điểm bào chữa để phục vụ cho định hướng bào chữa. Với mỗi luận điểm, cần có các luận cứ, luận chứng để chứng minh. Các luận cứ, luận chứng được đưa vào để làm rõ luận điểm được triển khai theo lôgic diễn dịch.

- Bản chất của việc đưa ra luận điểm, sau đó dùng các luận cứ, luận chứng chứng minh chính là hoạt động đánh giá chứng cứ của luật sư, vì vậy, cần dựa trên các nguyên tắc đánh giá chứng cứ.

Câu 12: Thuật ngữ chuyên môn, thuật ngữ pháp lý và các từ ngữ thông dụng nên được sử dụng như thế nào trong bản bào chữa, bảo vệ?

Trả lời:

- Thuật ngữ chuyên môn, thuật ngữ pháp lý và các từ ngữ thông dụng nên được sử dụng kết hợp với nhau trong bản bào chữa, bảo vệ với tần suất phù hợp với tính chất vụ án và loại tội phạm.

- Các thuật ngữ chuyên môn là các thuật ngữ kinh tế, kỹ thuật của một lĩnh vực quản lý nhà nước, một lĩnh vực khoa học nhất định, cần được nhận thức đúng về nội hàm và sử dụng chính xác. Các thuật ngữ chuyên môn nên được sử dụng nhiều trong các loại tội mà hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước trong một số lĩnh vực cụ thể, một số tội phạm về chức vụ, tội phạm kinh tế. Tuy nhiên, luật sư cần giúp người tiến hành tố tụng đơn giản hóa các thuật ngữ này, từ đó hiểu đúng về tính chất, về hoàn cảnh, về quy tắc nghề nghiệp điều chỉnh hoạt động nghề nghiệp của thân chủ và hành vi mà thân chủ đã thực hiện bị truy cứu trách nhiệm hình sự để triển khai các luận cứ, luận chứng bào chữa cho thân chủ.

- Các thuật ngữ pháp lý hiện diện trong các điều luật, trong các nguyên tắc, chính sách, pháp luật. Các thuật ngữ pháp lý nên được sử dụng và diễn giải sau khi phân tích vấn đề nội dung, luật sư đề cập vấn đề pháp lý, phân tích các thuật ngữ pháp lý để đi đến nhận định việc áp dụng các điều luật hay các nguyên tắc, các chính sách, pháp luật là phù hợp hay chưa phù hợp.

Câu 13: Nên mở đầu bản bào chữa như thế nào để đạt hiệu quả tốt?

Trả lời:

- Những thông tin cần có trong phần mở đầu bản bào chữa thường bao gồm: giới thiệu về người bào chữa,

bào chữa cho thân chủ là ai, có tư cách tố tụng gì trong vụ án, thân chủ bị truy tố về tội gì, điều khoản nào trong vụ án.

- Ngoài ra, luật sư nên có những nhận định ngắn gọn, tổng quan quan điểm của mình về tội trạng của thân chủ: bị cáo bị oan; bị cáo bị quy kết nhiều tình tiết buộc tội thiếu căn cứ, thiếu thuyết phục; bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có nhiều vấn đề về nhân thân, về đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà bị cáo đã thực hiện cần được đánh giá nhìn nhận trên nhiều phương diện... để gây ấn tượng và dẫn dắt vào các luận điểm, luận cứ bào chữa trình bày trong phần tiếp theo.

- Mở đầu bản bào chữa, luật sư cũng có thể nhân danh cá nhân và nhân danh thân chủ bày tỏ chia sẻ những thiệt hại, mất mát mà bị hại và gia đình bị hại đã phải gánh chịu; đánh giá cao những nỗ lực của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình xác định sự thật của vụ án, tuy nhiên: luật sư cho rằng vẫn còn thiếu những chứng cứ quan trọng chưa được thu thập, hoặc luật sư không tán thành một số quan điểm đánh giá chứng cứ, định tội danh, hoặc luật sư không tán thành một số quyết định hành vi tố tụng... từ đó dẫn dắt vào nội dung chính của bản bào chữa để tạo nên tính logic của bản bào chữa và tạo nên một bản bào chữa vừa có lý, vừa có tình, sắc sảo, vừa mềm mại, uyển chuyển.

Câu 14: Nên kết thúc bản bào chữa, bảo vệ như thế nào để đạt hiệu quả tốt?

Trả lời:

- Khi kết thúc bản bào chữa, bảo vệ, luật sư nên chốt lại những luận điểm chính đã được đề cập trong bản bào chữa, bảo vệ để Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án dễ nhớ và ghi lại đưa vào bản án, biên bản phiên tòa và kiểm sát viên chuẩn bị cho việc đối đáp.

- Luật sư nên nhắc lại chính sách hình sự, đường lối xét xử liên quan đến trường hợp bào chữa hoặc một số tình tiết, chứng cứ mâu chốt, trọng tâm hoặc một số chi tiết “đắt giá”, có khả năng lan tỏa những cảm xúc tích cực, có lợi cho thân chủ để Hội đồng xét xử lưu ý.

- Luật sư nên có những câu nói thể hiện sự trân trọng và phân xử có lý, có tình, có tâm của Hội đồng xét xử đối với thân chủ và đề cao vai trò của Hội đồng xét xử trong việc đem lại công lý, công bằng xã hội cũng như đem lại cơ hội cho bị cáo, cho những người thân của bị cáo, cho người lao động trong các doanh nghiệp là pháp nhân phạm tội.

Trên cơ sở các kỹ năng soạn thảo bản luận cứ bào chữa, bảo vệ được giới thiệu ở phần trên, anh (chị) hãy áp dụng vào các tình huống cụ thể của vụ án dưới đây với việc trả lời các câu hỏi sau:

Ông Điều O là đối tượng được trợ giúp pháp lý. Luật sư tham gia tố tụng với tư cách người bào chữa cho ông O theo phân công của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Tham gia vụ án từ giai đoạn điều tra, luật sư xác định được nội dung vụ án như sau:

Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 31/8/2018, hai vợ chồng ông Điều O (38 tuổi, ngụ tại thôn A, xã T, huyện B, tỉnh A) cãi nhau. Sau đó, ông O dùng dao nhọn đâm nhiều nhất vào người vợ là bà D (32 tuổi). Sau khi dùng dao đâm vợ, ông O tiếp tục dùng dao đâm vào ngực và cắt cổ mình để tự sát.

Thời điểm vụ án xảy ra, nghe tiếng mẹ kêu cứu, con của ông bà D gọi thêm người thân gần đó chạy qua nhà kiểm tra. Khi mọi người chạy đến thì phát hiện cửa bị khóa bên trong nên bắc thang nhìn vào, phát hiện ông O và bà D nằm bất tỉnh, người bà D bị thương nhiều vết đâm.

Sau khi phá cửa, mọi người liền đưa hai vợ chồng đi cấp cứu. Tuy nhiên, do vết thương quá nặng, bà D đã tử vong. Riêng ông O được cấp cứu tại bệnh viện trong tình trạng nguy kịch.

Được biết, ông O đi làm thuê và vợ cũng đi làm ăn dưới xuôi. Nghỉ lễ, bà D về nhà với chồng thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến án mạng.

Ông O đã phục hồi sức khỏe và bị tạm giam phục vụ điều tra. Tại Cơ quan điều tra, ông O nhận giết vợ.

Ông O khai vợ ngoại tình và lấy tiền của nhà đi để bao bồ trẻ dưới xuôi. Tuy nhiên, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện bà D ngoại tình như lời khai của ông O.

Câu hỏi 1: Luật sư cần đọc lại các tài liệu nào trong hồ sơ vụ án để chuẩn bị cho việc soạn thảo bản luận cứ bào chữa?

Câu hỏi 2: Với nội dung vụ án như trên, luật sư nên bào chữa cho ông Điều O theo hướng nào?

Câu hỏi 3: Nêu các luận điểm chính trong bài bào chữa cho ông Điều O tại phiên tòa?

Câu hỏi 4: Ông Điều O là người dân tộc thiểu số, trong một số lời khai, ông O cho rằng theo luật tục địa phương, ông có quyền giết vợ là do vợ có lỗi.

Luật sư có thể bào chữa bị cáo phạm tội do lạc hậu không? Nếu không, tại sao? Nếu có, sẽ triển khai luận điểm bào chữa này như thế nào?

Câu hỏi 5: Ông Điều O có nhân thân tốt, từng có vợ đầu bỏ nhà đi “theo trai”, để lại ông nuôi hai đứa con nhỏ, sau ông O lấy thêm bà D nhưng không có đăng ký. Ông bà có thêm 02 người con. Hiện 04 đứa con ông O đều dưới 10 tuổi, sống với bà nội bị tai biến, liệt nửa người.

Hãy soạn thảo phần cuối của bản luận cứ bào chữa đề cập nhân thân bị cáo (trước khi đề xuất quan điểm của luật sư về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo)?

Chương 7

KỸ NĂNG TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA

Xét xử là trọng tâm của toàn bộ quá trình tố tụng, là không gian mà hoạt động tranh tụng của luật sư diễn ra một cách công khai nhất, đầy đủ nhất. Hoạt động của luật sư tại phiên tòa thể hiện rõ nét vai trò của luật sư với tư cách một chủ thể tranh tụng, thực hiện một trong ba chức năng quan trọng của tố tụng hình sự. Tương ứng với hoạt động của luật sư, các kỹ năng của luật sư tại phiên tòa chủ yếu là kỹ năng tham gia xét hỏi, đưa ra các luận cứ bào chữa, bảo vệ và đối đáp, tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và các luật sư đối tụng. Việc thực hiện các kỹ năng này là cơ sở quan trọng để đánh giá trình độ của luật sư, trách nhiệm của luật sư với thân chủ cũng như tính chuyên nghiệp và văn hóa ứng xử của luật sư. Vì vậy, dù tính chất tranh tụng trong xét xử có thể chưa được bảo đảm, dù hiệu quả của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa vẫn còn rất khác nhau trong thực tiễn tố tụng thì các kỹ năng nêu trên rất cần thiết để luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho thân chủ cũng như bảo đảm và nâng cao vị

thế của cá nhân mỗi luật sư tranh tụng nói riêng và đội ngũ luật sư nói chung.

Câu 1: Thế nào là xét hỏi tại phiên tòa và việc tham gia xét hỏi của luật sư với tư cách là người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa?

Trả lời:

Xét hỏi là việc cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đặt câu hỏi cho bị cáo và những người tham gia phiên tòa nhằm làm rõ các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Với tư cách là người bào chữa cho bị cáo, luật sư được đặt câu hỏi với những người tham gia tố tụng nhằm làm rõ hơn các nội dung hoặc tình tiết của vụ án để có căn cứ bào chữa cho thân chủ của mình.

Câu 2: Mục tiêu của luật sư khi tham gia xét hỏi tại phiên tòa là gì?

Trả lời:

Luật sư bào chữa tham gia xét hỏi tại phiên tòa xét xử để làm rõ thêm những vấn đề, những tình tiết liên quan đến vụ án mà Hội đồng xét xử, kiểm sát viên, hoặc các luật sư khác chưa hỏi đối với các bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người giám định hoặc những người khác được ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Câu 3: Việc chuẩn bị tham gia xét hỏi tại phiên tòa của luật sư cần chú ý những vấn đề gì?

Trả lời:

Xét hỏi của luật sư tại phiên tòa chiếm vị trí quan trọng trong việc làm rõ những vấn đề của vụ án liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo hoặc bên bị hại cần được bảo vệ. Do vậy, việc xét hỏi của luật sư tại phiên tòa đạt hiệu quả cần chuẩn bị trước (gạch ý, nêu nội dung, hỏi những ai, chính bị cáo hay bị cáo khác, hay người làm chứng, người giám định, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan...) về những vấn đề cần được hỏi, được làm rõ tại phiên tòa. Khi xây dựng đề cương, kế hoạch tham gia xét hỏi tại phiên tòa, luật sư cần chú ý những vấn đề sau:

- Nghiên cứu Quyết định đưa vụ án ra xét xử để xác định tội danh và phạm vi đưa ra xét xử của vụ án để chuẩn bị các câu hỏi sẽ hỏi tại phiên tòa;

- Chuẩn bị các câu hỏi để xác định sự vô tư của những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa;

- Dự liệu các vấn đề cần hỏi, các câu hỏi hướng tới định hướng bào chữa của luật sư tại phiên tòa;

- Xác định thứ tự hỏi những người dự định được hỏi trong phiên tòa: Việc đặt câu hỏi để hỏi ai trước, ai sau do luật sư quyết định, nhưng nên chọn những người dễ hỏi để hỏi trước, những người nào khó hỏi (khó hỏi theo nhận định của luật sư) thì hỏi sau;

- Dự liệu tình huống khi câu hỏi định hỏi đã được người khác hỏi trong phiên tòa. Về nguyên tắc, luật sư chỉ đặt ra câu hỏi để hỏi khi câu hỏi đó chưa được Hội đồng xét xử, kiểm sát viên hoặc những luật sư khác hỏi vì đặt ra câu hỏi đã được hỏi thường bị chủ tọa phiên tòa cắt ngang không cho hỏi vì câu hỏi đó đã được hỏi rồi. Do vậy, trong trường hợp này luật sư sẽ không hỏi hoặc chọn câu hỏi khác để làm rõ thêm những nội dung đã được hỏi và trả lời.

- Cần phải chuẩn bị những câu hỏi rõ ý cần hỏi, dễ hiểu, hỏi thẳng vào những vấn đề cần hỏi và có thể viện dẫn những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

- Thông qua câu hỏi để hỏi những người tham gia tố tụng tại phiên tòa có thể đánh giá được luật sư bào chữa có nắm được những vấn đề mấu chốt có trong nội dung vụ án hay không. Cho nên luật sư cần chuẩn bị kỹ các câu hỏi và hỏi một cách rõ ràng, khai thác những điểm yếu của chứng cứ đã thu thập được, làm cơ sở cho việc tranh tụng với Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Câu 4: Các dạng câu hỏi luật sư thường áp dụng tại phiên tòa?

Trả lời:

Có nhiều dạng câu hỏi để hỏi người được hỏi trước tòa và tùy theo mục tiêu, diễn biến và hoàn cảnh cụ thể của từng vụ án luật sư sẽ lựa chọn dạng câu hỏi cho phù hợp. Dưới đây là một số dạng câu hỏi luật sư có thể sử dụng:

Thứ nhất, dạng câu hỏi khẳng định hoặc phủ định đề nghị người được hỏi chỉ trả lời: có hoặc không có; đúng hoặc không đúng. Ví dụ: Anh bị nam thanh niên đâm một nhát vào tay trái và bị đập một xéng vào bả vai trái, có đúng không? Hoặc: Anh bị nam thanh niên cầm dao nhọn đâm trượt một nhát vào bụng có đúng không?...

Thứ hai, câu hỏi tại sao lại như vậy để người được hỏi trình bày sâu hơn, nhiều hơn, dài hơn những vấn đề cần được làm rõ tại phiên tòa. Ví dụ: Tại sao trong vụ đánh nhau mà anh tham gia xảy ra vào lúc 2 giờ 30 phút sáng tại đoạn đường làng nông thôn, không có đèn đường, trời không có trăng, sao mà anh lại nhìn thấy 02 con dao về cả màu sắc và độ dài của dao: 01 con có chiều dài khoảng 30 cm, loại dao sấn chày, nhọn, cán màu đen và con dao nhọn được tra cán có chiều dài khoảng 01m? Tại sao khi mọi người đang đánh nhau anh lại hô to: “bắn bỏ mẹ chúng nó đi”, trong khi đi đánh nhau không có ai mang súng theo?

Thứ ba, câu hỏi đề nghị trình bày, đề nghị diễn giải về sự việc xảy ra như thế nào? Ví dụ: Anh hãy trình bày cho Hội đồng xét xử biết khi anh cùng nhóm bạn của mình đang ăn đêm tại chợ K thì ai là người gợi ý đến nhà Phạm Hoàng M để đòi tiền?

Câu 5: Khi tham gia xét hỏi tại phiên tòa, luật sư cần chú ý điều gì?

Trả lời:

Khi tham gia xét hỏi tại phiên tòa, luật sư nên chú ý các vấn đề sau:

- Khi đặt các câu hỏi, luật sư cần tránh những câu hỏi không liên quan đến việc bào chữa của mình; không đặt các câu hỏi về đời tư của người được hỏi; không đặt các câu hỏi có tính chất đe dọa hoặc các câu hỏi có tính xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của người được hỏi.

- Khi đặt câu hỏi để hỏi tại phiên tòa xét xử, cần sử dụng các câu hỏi rõ ràng, chính xác, liên quan trực tiếp đến những vấn đề, tình tiết của vụ án, không nên hỏi lan man, không rõ, rắc rối, không liên quan đến các vấn đề của vụ án làm cho người được hỏi không nhận thức đúng về vấn đề cần hỏi trong câu hỏi hoặc để Hội đồng xét xử, kiểm sát viên và những người tham gia phiên tòa đánh giá thấp năng lực, trình độ của luật sư.

- Khi hỏi không đưa ra những phân tích, đánh giá, nhận định về chứng cứ vụ án vì phân tích, đánh giá, nhận định về chứng cứ không có trong nội dung phần xét hỏi mà dành cho phần tranh luận; cần tập trung hỏi vào những mâu thuẫn về những chứng cứ trong vụ án mà những chứng cứ này có liên quan đến những người cần được hỏi.

- Luật sư bào chữa có thể hỏi mỗi người một lần, hỏi người nào xong người đó. Tuy nhiên, vì hỏi nhiều người liên tục nên có những câu hỏi cần hỏi thêm những người đã được hỏi. Cho nên có thể có những người được hỏi hai, ba lần trong trường hợp các câu hỏi để hỏi cùng một người không được trùng nhau.

- Để có thể tham gia xét hỏi có hiệu quả tại phiên tòa, trước tiên, luật sư cần chú ý lắng nghe tất cả các câu hỏi

của những người có quyền được hỏi và các câu trả lời của những người buộc phải trả lời tại phiên tòa. Điều này tránh được việc luật sư đặt câu hỏi trùng lặp với các câu hỏi mà người khác đã hỏi và xác định vấn đề được hỏi đã được làm rõ chưa.

- Trên cơ sở nội dung dự thảo bản luận cứ bào chữa và những câu hỏi, câu trả lời đã được trình bày tại phiên tòa, luật sư cần nhanh chóng đưa ra các câu hỏi tại phiên tòa. Các câu hỏi đặt ra cần ngắn gọn, dễ hiểu để việc trả lời của người được hỏi đi thẳng vào những vấn đề đã được nêu trong bản dự thảo luận cứ.

- Bên cạnh việc gỡ tội cho bị cáo, luật sư còn có nghĩa vụ tôn trọng sự thật khách quan của vụ án. Do vậy, luật sư không nên chỉ tập trung hỏi thân chủ của mình quá nhiều mà cần phải hỏi các bị cáo khác cũng như người bị hại, người làm chứng buộc tội để làm rõ những bất hợp lý, những mâu thuẫn trong lời khai của họ.

- Trong quá trình tham gia xét hỏi tại phiên tòa, luật sư cần theo sát diễn biến phiên tòa để giúp đỡ thân chủ của mình về mặt pháp lý trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Câu 6: Thế nào là việc trình bày luận cứ bào chữa tại phiên tòa?

Trả lời:

Trình bày luận cứ bào chữa là việc luật sư căn cứ vào thực tế vụ án xảy ra và các quy định của pháp luật để

trình bày trước tòa trong phần tranh luận nhằm loại bỏ hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Câu 7: Mục tiêu của việc trình bày luận cứ bào chữa là gì?

Trả lời:

Trình bày luận cứ bào chữa tại phiên tòa góp phần tranh luận với ý kiến buộc tội của kiểm sát viên/luật sư bên đối lập.

Trình bày luận cứ bào chữa giúp cho Hội đồng xét xử hiểu rõ hơn về bản chất vụ án nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng/thân chủ.

Câu 8: Luật sư trình bày luận cứ bào chữa khi nào?

Trả lời:

Sau khi kết thúc phần xét hỏi và chuyển sang phần tranh luận, Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội, đánh giá tính chất hành vi của bị cáo và đề nghị mức án cần được áp dụng. Tiếp theo, luật sư bào chữa trình bày lời bào chữa thể hiện bằng các quan điểm của mình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo.

Câu 9: Luật sư thường trình bày luận cứ bào chữa theo những hướng nào?

Trả lời:

Thông thường, lời bào chữa của luật sư có nội dung theo các hướng sau đây:

Thứ nhất, trong trường hợp không đồng ý với ý kiến của Viện kiểm sát về việc buộc tội, luật sư cần nêu bật được những chứng cứ gỡ tội cho bị cáo, chứng minh bị cáo không phạm tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Những chứng cứ này có thể là lời khai gian dối của những người tham gia tố tụng (người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan...); những chứng cứ bị giả mạo (vật chứng, kết luận giám định...); những vi phạm về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra vụ án (tách vụ án không đúng quy định của pháp luật; không thực hiện các biện pháp điều tra cần thiết như thực nghiệm điều tra, đối chất, nhận dạng; biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung được thực hiện không phải điều tra viên...). Trên cơ sở những đánh giá nhận định này, đề nghị Viện kiểm sát xem xét lại quyết định của mình và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm vào tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Thứ hai, trong trường hợp đồng ý với ý kiến của Viện kiểm sát về việc buộc tội, luật sư cần tập trung vào những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; những đặc điểm nhân thân của bị cáo và gia đình bị cáo; đơn của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (nếu có) và những chứng cứ khác có lợi cho bị cáo khi Hội đồng xét xử quyết định hình phạt, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tùy từng vụ án mà nội dung bào chữa của luật sư bao gồm một hay nhiều nội dung sau:

- Bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội hoặc hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm;
- Không có tình tiết định khung giảm nhẹ;
- Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;
- Có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;
- Có cơ sở miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt;
- Các tình tiết thuộc nhân thân bị cáo hoặc tình tiết khác có thể làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo;

Những nội dung trên có thể loại trừ lẫn nhau, do vậy, luật sư cần chú ý trình bày luận cứ chặt chẽ về pháp lý và lôgic về hình thức.

Câu 10: Cách thức trình bày luận cứ bào chữa như thế nào?

Trả lời:

- Luật sư trình bày luận cứ rõ ràng, mạch lạc, lưu loát, không bị ngắt quãng. Tốc độ nói vừa phải, tránh nhanh quá hoặc chậm quá; âm điệu, giọng nói phù hợp, nhấn mạnh ở những nội dung quan trọng để thu hút sự đồng tình của Hội đồng xét xử và người tham dự phiên tòa;
- Thái độ nghiêm túc, lịch sự, nhẹ nhàng, từ tốn, tôn trọng Hội đồng xét xử, kiểm sát viên và những người khác;

- Tuyệt đối tránh lời lẽ xúc phạm hoặc không tôn trọng người khác;
- Đưa ra các bằng chứng cụ thể, hợp lý, hợp pháp, có đánh giá và lập luận chặt chẽ;
- Chốt lại vấn đề sau khi trình bày thành những điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Câu 11: Luật sư cần chú ý điều gì khi trình bày luận cứ tại phiên tòa?

Trả lời:

- Trình bày luận cứ theo đề cương đã chuẩn bị, tránh tràn lan hoặc bỏ sót các vấn đề quan trọng.
- Kịp thời sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện bản luận cứ phù hợp với tình hình diễn biến phiên tòa, kịp thời điều chỉnh hướng bào chữa khi cần thiết.
- Chủ động trình bày luận cứ, không nên lệ thuộc quá nhiều vào bản đề cương luận cứ.
- Đối với những vụ án liên quan đến tài chính, kế toán, luật sư nên làm tròn các số liệu để trình bày tránh nhầm lẫn và Hội đồng xét xử cũng như những người khác dễ hiểu, dễ nhớ hơn.
- Luôn giữ thái độ bình tĩnh, không nên gay gắt với đại diện Viện kiểm sát, với Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác.
- Trình bày ngắn gọn bản luận cứ. Tùy vào mức độ và tính chất vụ án, thời gian có thể dài hoặc ngắn, tuy nhiên, luật sư trình bày trong khoảng 10 đến 20 phút là hợp lý.

Câu 12: Thế nào là tranh luận tại phiên tòa?

Trả lời:

Tranh luận tại phiên tòa là việc đối đáp giữa luật sư bào chữa cho bị cáo với kiểm sát viên hoặc người bị hại, luật sư của người bị hại, những người tham gia tố tụng khác để bảo vệ cho quyền lợi của thân chủ và làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

Câu 13: Mục tiêu của việc tranh luận tại phiên tòa là gì?

Trả lời:

Việc tranh luận của luật sư nhằm làm cho Hội đồng xét xử hiểu được việc buộc tội của kiểm sát viên Viện kiểm sát không có căn cứ, chưa có căn cứ hoặc có căn cứ nhưng chưa chính xác, chưa đầy đủ, hoặc quan điểm của kiểm sát viên đưa ra chưa toàn diện, chưa vận dụng hết những quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Câu 14: Khi tranh luận tại phiên tòa, luật sư cần có những kỹ năng gì?

Trả lời:

Khi tranh luận tại phiên tòa, luật sư cần có những kỹ năng sau:

- Lắng nghe ý kiến của Viện kiểm sát/luật sư bên đối lập, ghi nhanh, đánh dấu những điểm cần đối đáp lại và tư duy ngay lập tức các lý lẽ sẽ trình bày khi đối đáp;

- Trình bày ngắn gọn, trực diện vào những vấn đề cần tranh luận. Nội dung tranh luận phải căn cứ vào các quy định của pháp luật nhằm phản bác lại quan điểm của Viện kiểm sát/lưuật sư bên đối lập;

- Triệt để khai thác những điểm mâu thuẫn do các bên đưa ra mà có lợi cho thân chủ của mình;

- Tập trung vào những điểm hạn chế trong luận tội của Viện kiểm sát (những mâu thuẫn của các lập luận, những hạn chế của các nguồn chứng cứ được viện dẫn về tính liên quan, tính hợp pháp...) để đối đáp;

- Trong quá trình tranh luận, nếu phát hiện những vấn đề được nêu ra nhưng chưa xét hỏi hoặc cần làm rõ thì cần đề nghị Hội đồng xét xử quay trở lại phân xét hỏi để làm rõ, thậm chí cần nhắc đề xuất Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Câu 15: Khi tranh luận với Viện kiểm sát tại phiên tòa, lưuật sư cần chú ý những vấn đề gì?

Trả lời:

Để tranh tụng với Viện kiểm sát có hiệu quả, ngay tại phiên tòa lưuật sư cần chú ý những điểm sau đây:

- Cần chú ý lắng nghe lời luận tội của Viện kiểm sát và tóm tắt được những ý chính mà Viện kiểm sát đã nêu trong lời luận tội;

- Trình bày lời tranh luận của mình tập trung vào việc bác lại những ý chính trong lời luận tội của Viện kiểm sát vừa nêu bằng việc đưa ra những chứng cứ chứng minh lời

luận tội của Viện kiểm sát là chưa đúng, chưa phù hợp, chưa chính xác, hoặc còn thiếu tính thuyết phục khi buộc tội bị cáo hoặc chỉ suy diễn chủ quan, không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án;

- Nghe lời đối đáp của Viện kiểm sát để tìm những sơ hở của Viện kiểm sát trong phân tích, đánh giá chứng cứ cũng như sự viện dẫn không đúng những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung vụ án;

- Đối đáp lại ý kiến của Viện kiểm sát bằng việc viện dẫn những văn bản quy phạm pháp luật, có so sánh, đối chiếu với những chứng cứ trong hồ sơ vụ án và những chứng cứ đã được trình bày tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát về việc buộc tội.

Nói chung, tranh luận tại phiên tòa với Viện kiểm sát thể hiện rõ nhất sự tranh tụng trong tố tụng hình sự. Do vậy, luật sư phải tập trung cao và chú ý vào quan điểm của Viện kiểm sát, của luật sư đối tụng để tìm những chứng cứ hoặc những quy định pháp luật liên quan để bác bỏ lại những quan điểm của Viện kiểm sát về sự buộc tội bị cáo mà luật sư bảo vệ.

Câu 16: Khi tranh luận với Viện kiểm sát tại phiên tòa, luật sư cần tránh những vấn đề gì?

Trả lời:

Khi tranh luận tại phiên tòa, luật sư nên chú ý tránh những điều sau:

- Sử dụng các câu điều kiện không có thật để giả sử một vấn đề đã xảy ra trong vụ án;
- Lợi dụng quyền tranh luận để đả kích, xúc phạm hoặc “cãi nhau” tay đôi với người tham gia tranh luận;
- Tổ thái độ cay cú, ăn thua khi tranh luận;
- Kéo dài thời gian tranh luận bằng việc lặp đi lặp lại các nội dung tranh luận.

Trên cơ sở các kỹ năng tranh tụng tại phiên tòa được giới thiệu ở phần trên, anh (chị) hãy áp dụng vào các tình huống cụ thể của vụ án dưới đây với việc trả lời các câu hỏi sau:

Luật sư là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá A (sinh năm 1972, trú tại huyện V, tỉnh N) về Tội giết người theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nạn nhân là Phạm Văn Đ (sinh năm 1979), cháu ruột A. Án mạng xảy ra trong đám giỗ anh rể, chồng của chị gái Nguyễn Bá A.

Cụ thể: khoảng 18 giờ ngày 22/7/2018, do mâu thuẫn trong khi uống rượu tại đám giỗ chồng chị Nguyễn Thị L, chị gái A nên bị cáo và Đ đánh nhau.

Được mọi người can ngăn, Nguyễn Bá A về nhà đóng cửa cổng lại. Còn Phạm Văn Đ chạy vào nhà lấy con dao găm lên đe dọa mọi người. Sau đó, Phạm Văn Đ tiếp tục cầm dao chạy thẳng sang trước cổng nhà A đe dọa sẽ giết cả nhà A.

Sau đó, Đ xô cửa định xông vào nhà Nguyễn Bá A tiếp tục thách thức A. Lúc này, Nguyễn Bá A mở cửa, tay cầm một gậy gỗ đánh khiến Đ làm rơi con dao. Sau đó A đóng cửa lại. Do bị đánh đau, Đ đứng ngoài chửi đổng nên A lại mở cửa, tiếp tục dùng gậy đánh thêm nhiều nhát vào người Đ. Đ ôm đầu lảo đảo đi qua phía cửa thì dừng lại, sau đó Đ được người nhà đưa đi cấp cứu tại bệnh viện. Do vết thương quá nặng, Đ đã tử vong vào ngày 24/7/2018. Giám định pháp y kết luận, Đ chết do vỡ xương sọ.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Bá A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo bật khóc khi thuật lại quá trình đánh chết cháu. Bị cáo cho biết, Đ đã nói những lời hỗn láo trong đám giỗ của anh rể và chửi bới mọi người. Bị cáo nắm cổ áo, lôi Đ ra ngoài cổng. Tuy nhiên, Đ vẫn tiếp tục lớn tiếng và đập bị cáo. Được mọi người can ngăn, bị cáo đã chạy về nhà và đóng cửa lại. Vì bị Đ cầm dao đến đe dọa đòi chém, bị cáo không kiềm chế được bản thân nên mới đánh chứ không hề có ý giết người.

Tòa án nhân dân tỉnh N đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cơ sở cáo trạng của Viện kiểm sát tỉnh truy tố Nguyễn Bá A về Tội giết người theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Câu hỏi 1: Xác định hướng bào chữa và những luận điểm chính trong bài bào chữa cho Nguyễn Bá A tại phiên tòa?

Câu hỏi 2: Với định hướng trên, hãy nêu các câu hỏi trong kế hoạch xét hỏi của luật sư bào chữa cho Nguyễn Bá A trong phần tranh tụng tại phiên tòa?

Câu hỏi 3: Trong quá trình điều tra, mẹ của bị hại có đơn xin giảm án cho bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa, mẹ bị hại không đến phiên tòa do khó xử, người đại diện hợp pháp cho bị hại là chị gái của bị hại phủ nhận việc gia đình làm đơn xin giảm án cho bị cáo. Khi luật sư bào chữa hỏi để làm rõ lá đơn xin giảm nhẹ tội, chị gái nạn nhân trả lời: “Tôi là người được ủy quyền hợp pháp cho em trai. Tôi không hề viết lá đơn đó. Nếu có, mẹ tôi không đủ tư cách đại diện cho cả gia đình tôi còn lại 06 người thì trừ mẹ tôi, 05 người đều muốn xử phạt cậu tôi thật nặng”.

Luật sư tiếp nhận câu trả lời này với phản ứng tiếp theo nên như thế nào?

Câu hỏi 4: Trong phần tranh luận, cả đại diện Viện kiểm sát và phía bị hại cho rằng hành vi của bị cáo là quá man rợ. Sau khi dùng khúc gỗ đánh vào đầu và người Đ bị cáo không đưa nạn nhân đi cấp cứu đó là hành vi phi nhân tính. Nếu Đ được đi cấp cứu kịp thời thì chưa chắc nạn nhân đã chết thảm như vậy.

Luật sư sẽ đối đáp như thế nào trong tình huống này?

Câu hỏi 5: Luật sư nên tư vấn cho bị cáo nói gì, với thái độ như thế nào trong phần bị cáo được nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án?

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời mở đầu</i>	7
 <i>Chương 1</i>	
KHÁI QUÁT VỀ TRANH TỤNG VÀ NHỮNG YÊU CẦU CHUNG VỀ TRANH TỤNG Ở VIỆT NAM	11
I. Khái quát về tranh tụng	11
1. Tranh tụng là gì?	11
2. Tố tụng hình sự tranh tụng có những đặc điểm gì?	12
3. Tố tụng tranh tụng có những ưu điểm, hạn chế nào?	15
4. Tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam được thể hiện như thế nào?	16
5. Có các yêu cầu chung nào về tranh tụng trong tố tụng hình sự?	21
II. Các yêu cầu đạo đức nghề nghiệp và chuyên môn đối với luật sư tranh tụng trong vụ án hình sự	23
1. Tại sao phải đặt ra yêu cầu đạo đức nghề nghiệp và chuyên môn đối với luật sư?	23
2. Có những đòi hỏi nào về đạo đức nghề nghiệp đối với luật sư ở Việt Nam?	24
	121

3. Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam đặt ra những tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp như thế nào đối với luật sư? 25
4. Những yêu cầu nào về chuyên môn đối với luật sư trong tranh tụng hình sự? 27

Chương 2

KỸ NĂNG TRAO ĐỔI VỚI KHÁCH HÀNG, THÂN CHỦ 29

- Câu 1: Làm thế nào để luật sư thu nhận được thông tin đầy đủ, chính xác từ khách hàng? 30
- Câu 2: Khi trao đổi, tư vấn cho người bị tố giác, bị kiến nghị khỏi tố luật sư cần phải làm gì? 31
- Câu 3: Khi gặp thân chủ đang bị tạm giam, luật sư cần chú ý những vấn đề gì? 32
- Câu 4: Những nội dung nào cần trao đổi với khách hàng để chuẩn bị cho việc bồi thường thiệt hại cho bị hại? 33
- Câu 5: Những nội dung nào cần trao đổi với thân chủ là bị cáo trước ngày mở phiên tòa hình sự sơ thẩm? 34
- Câu 6: Những nội dung nào cần trao đổi với thân chủ là bị hại trước khi tham dự phiên tòa hình sự sơ thẩm? 35
- Câu 7: Những nội dung nào cần trao đổi với thân chủ là bị cáo để chuẩn bị cho việc kháng cáo? 36

Chương 3

KỸ NĂNG THU THẬP, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ 40

- Câu 1: Thế nào là thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ? 41
- Câu 2: Mục tiêu của việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ là gì? 42

Câu 3: Khi thu thập chứng cứ, luật sư cần chú ý điều gì?	42
Câu 4: Kỹ năng thuyết phục người biết các tình tiết, lưu trữ đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án?	43
Câu 5: Có những cách thức nào để kiểm tra chứng cứ?	45
Câu 6: Kỹ năng của luật sư trong việc đánh giá chứng cứ?	46

Chương 4

KỸ NĂNG THAM GIA

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA

VÀ LÀM VIỆC VỚI NGƯỜI TIẾN HÀNH TỔ TỤNG

Câu 1: Để tham dự hoạt động hỏi cung bị can đang bị tạm giam, luật sư cần thực hiện những thủ tục nào?	52
Câu 2: Những vấn đề gì luật sư cần quan tâm tham dự hỏi cung bị can trong vụ án mà mình nhận bào chữa?	53
Câu 3: Khi tham dự hoạt động lấy lời khai thân chủ là bị hại, luật sư cần thực hiện các hoạt động cụ thể nào?	54
Câu 4: Những vấn đề gì luật sư cần quan tâm và thực hiện khi tham dự hỏi cung, lấy lời khai người dưới 18 tuổi?	55
Câu 5: Luật sư cần lưu ý những vấn đề gì khi tham dự hoạt động đối chất?	56
Câu 6: Luật sư cần lưu ý những vấn đề gì khi tham dự hoạt động thực nghiệm điều tra?	57
Câu 7: Luật sư cần chuẩn bị những luận cứ nào để đề xuất thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam?	58
Câu 8: Luật sư cần trao đổi với ai, nội dung, cách thức trao đổi như thế nào để đề xuất thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với thân chủ?	59
Câu 9: Luật sư cần trao đổi với ai, nội dung, cách thức trao đổi như thế nào để yêu cầu giám định, định giá tài sản?	60

Câu 10: Luật sư cần trao đổi với ai, nội dung, cách thức trao đổi như thế nào để đề nghị xét xử kín?	60
--	----

Chương 5

KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU HỒ SƠ

Câu 1: Luật sư nghiên cứu hồ sơ khi nào, tại đâu? Làm thế nào để tiếp cận hồ sơ vụ án?	64
Câu 2: Những công việc nào luật sư cần làm ngay khi nhận hồ sơ vụ án?	65
Câu 3: Luật sư nên nghiên cứu hồ sơ theo trình tự nào?	65
Câu 4: Cách ghi chép, ghi nhớ những thông tin quan trọng trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án?	66
Câu 5: Những vấn đề gì luật sư cần lưu ý khi đọc cáo trạng, kết luận điều tra?	68
Câu 6: Những vấn đề gì luật sư cần đọc và lưu ý khi đọc các tài liệu về khởi tố vụ án, khởi tố bị can?	69
Câu 7: Cách đọc và các yêu cầu đối với việc đọc nhóm tài liệu về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế?	70
Câu 8: Những vấn đề gì luật sư cần lưu ý khi đọc biên bản hỏi cung bị can, các biên bản lấy lời khai, bản tự khai của người bị tố giác, báo tin, kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội?	72
Câu 9: Cách đọc và những vấn đề gì cần lưu ý khi luật sư đọc các biên bản lấy lời khai, các bản tự khai của bị hại, đương sự, người làm chứng?	73
Câu 10: Phương pháp tiếp cận của luật sư khi đọc các tài liệu về giám định và định giá tài sản?	75

Câu 11: Những thông tin luật sư cần nắm bắt khi đọc các biên bản, tài liệu về khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra?	77
Câu 12: Những vấn đề gì cần lưu ý khi đọc các tài liệu về nhân thân bị can?	79
Câu 13: Luật sư nên quan tâm đến những vấn đề gì khi đọc các quyết định nhập, tách, chuyển vụ án, trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, đình chỉ/tạm đình chỉ điều tra/vụ án, đình chỉ/tạm đình chỉ điều tra/vụ án đối với bị can?	80

Chương 6

KỸ NĂNG SOẠN THẢO BẢN BÀO CHỮA, BẢN BẢO VỆ

Câu 1: Thời điểm nào luật sư nên chuẩn bị soạn thảo bản luận cứ bào chữa, bảo vệ?	85
Câu 2: Các công việc mang tính kỹ thuật cần thực hiện cho việc soạn thảo bản luận cứ bào chữa, bảo vệ?	86
Câu 3: Việc bào chữa cho bị cáo có thể theo các hướng nào?	86
Câu 4: Việc bào chữa cho bị cáo theo hướng không phạm tội nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?	87
Câu 5: Việc bào chữa cho bị cáo theo hướng phạm tội nhẹ hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?	89
Câu 6: Việc bào chữa cho bị cáo theo hướng chuyển sang khung hình phạt nhẹ hơn trong cùng một điều luật bị Viện kiểm sát truy tố nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?	90

Câu 7: Việc đề xuất cho bị cáo được hưởng án treo nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?	92
Câu 8: Việc bào chữa cho bị cáo theo hướng đề xuất Tòa án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?	93
Câu 9: Việc bảo vệ cho bị hại theo hướng đề xuất tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên được thực hiện như thế nào trong bản bào chữa?	93
Câu 10: Việc bảo vệ cho bị hại theo hướng đề xuất yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên được thực hiện như thế nào trong bản bảo vệ?	94
Câu 11: Một bản bào chữa, bảo vệ nên được triển khai theo bố cục như thế nào?	96
Câu 12: Thuật ngữ chuyên môn, thuật ngữ pháp lý và các từ ngữ thông dụng nên được sử dụng như thế nào trong bản bào chữa, bảo vệ?	97
Câu 13: Nên mở đầu bản bào chữa như thế nào để đạt hiệu quả tốt?	98
Câu 14: Nên kết thúc bản bào chữa, bảo vệ như thế nào để đạt hiệu quả tốt?	100

Chương 7

KỸ NĂNG TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA 103

Câu 1: Thế nào là xét hỏi tại phiên tòa và việc tham gia xét hỏi của luật sư với tư cách là người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa?	104
Câu 2: Mục tiêu của luật sư khi tham gia xét hỏi tại phiên tòa là gì?	104

Câu 3: Việc chuẩn bị tham gia xét hỏi tại phiên tòa của luật sư cần chú ý những vấn đề gì?	105
Câu 4: Các dạng câu hỏi luật sư thường áp dụng tại phiên tòa?	106
Câu 5: Khi tham gia xét hỏi tại phiên tòa, luật sư cần chú ý điều gì?	107
Câu 6: Thế nào là việc trình bày luận cứ bào chữa tại phiên tòa?	109
Câu 7: Mục tiêu của việc trình bày luận cứ bào chữa là gì?	110
Câu 8: Luật sư trình bày luận cứ bào chữa khi nào?	110
Câu 9: Luật sư thường trình bày luận cứ bào chữa theo những hướng nào?	110
Câu 10: Cách thức trình bày luận cứ bào chữa như thế nào?	112
Câu 11: Luật sư cần chú ý điều gì khi trình bày luận cứ tại phiên tòa?	113
Câu 12: Thế nào là tranh luận tại phiên tòa?	114
Câu 13: Mục tiêu của việc tranh luận tại phiên tòa là gì?	114
Câu 14: Khi tranh luận tại phiên tòa, luật sư cần có những kỹ năng gì?	114
Câu 15: Khi tranh luận với Viện kiểm sát tại phiên tòa, luật sư cần chú ý những vấn đề gì?	115
Câu 16: Khi tranh luận với Viện kiểm sát tại phiên tòa, luật sư cần tránh những vấn đề gì?	116

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctgg.vn, Website: www.nxbctgg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



Giá: 45.000đ